



TÀI LIỆU ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG XE TẢI 8x4 CGE350



UD Trucks Việt Nam – Xe tải Nhật Bản

Hotline: 0908 726 728

udtrucks.com.vn

UD Trucks Corporation

1-1 Ageo-Shi, Saitama 362-8523

udtrucks.com

Tài liệu nội bộ - 2022

Welcome

EURO 5

Drive for better



I. THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE TẢI UD TRUCKS CGE350, 8x4



KÍCH THƯỚC VÀ KHỐI LƯỢNG

KÍCH THƯỚC

Loại cabin	Mẫu 1 & Mẫu 2	02 chỗ, có giường nằm, khoang chứa đồ phía dưới giường
Công thức bánh xe	Mẫu 1 & Mẫu 2	8x4
Chiều dài cơ sở (mm)	Mẫu 1: WB5600	1995 + 3605 + 1370
	Mẫu 2: WB6500	1995 + 4505 + 1370
	Mẫu 3: WB4600	1995 + 2605 + 1370
Chiều dài tổng thể (D x R x C) (mm)	Mẫu 1: WB5600	11243 x 2480 x 3184
	Mẫu 2: WB6500	11943 x 2480 x 3184
	Mẫu 3: WB4600	8432 x 2480 x 3228
Vệt bánh xe (trước/sau) (mm)	Mẫu 1 & 2 & 3	2026/1835

I. THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE TẢI UD TRUCKS CGE350, 8x4



KÍCH THƯỚC VÀ KHỐI LƯỢNG

KHỐI LƯỢNG

Tự trọng (kg)	Mẫu 1: WB5600	9,560
	Mẫu 2: WB6500	9,730
	Mẫu 3: WB4600	9,552
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế lớn nhất (kg)	Mẫu 1: WB5600	37,400
	Mẫu 2: WB6500	37,400
	Mẫu 3: WB4600	37,400



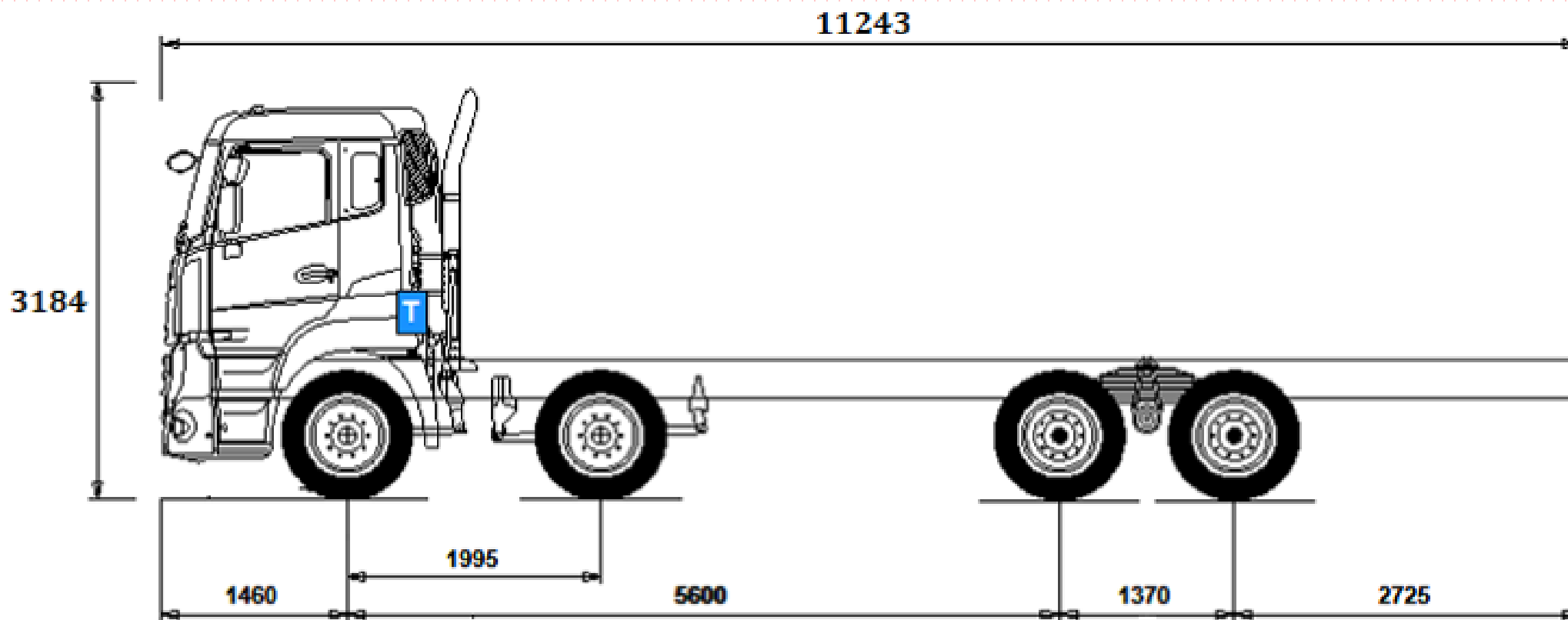
UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



I. THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE TẢI UD TRUCKS CGE350, 8x4

❖ BẢN VẼ KÍCH THƯỚC MẪU 1 (WB5600)



- Khối lượng bản thân: 9,560 kg
- Khối lượng toàn bộ theo thiết kế lớn nhất: 37,400 (kg)



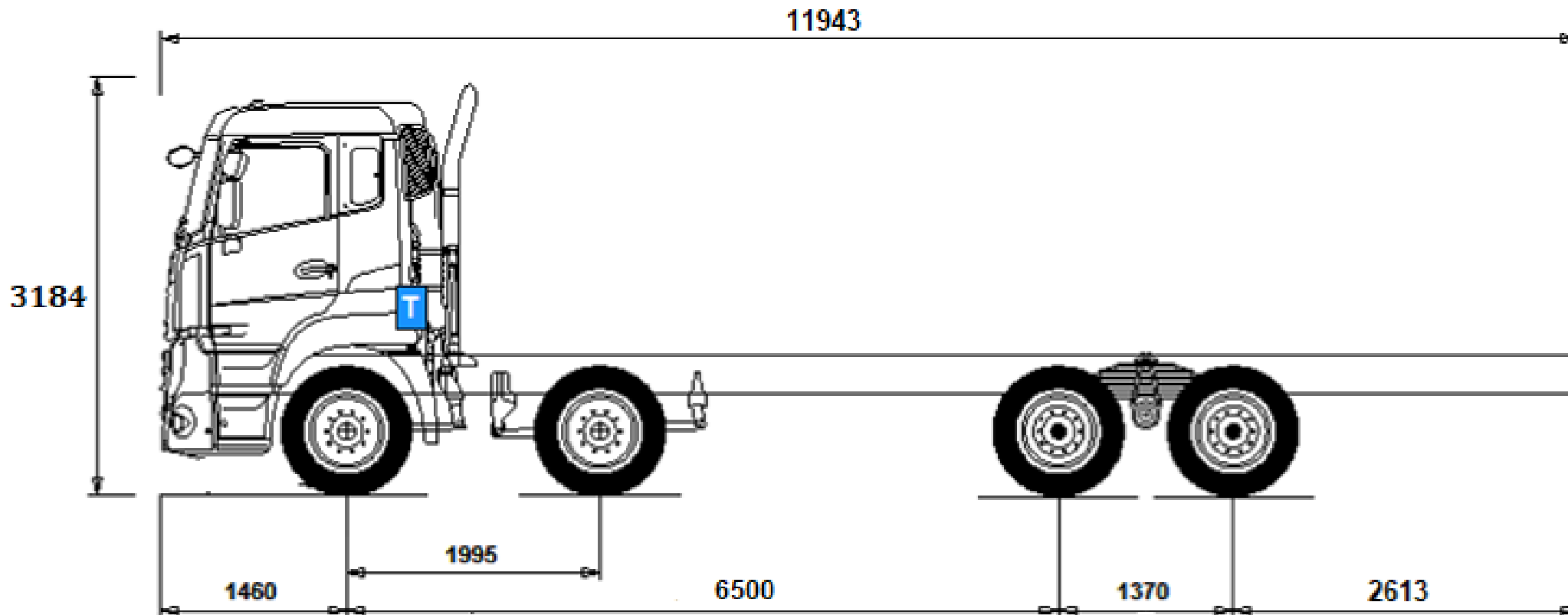
UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



I. THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE TẢI UD TRUCKS CGE350, 8x4

❖ BẢN VẼ KÍCH THƯỚC MẪU 2 (WB6500)



- Khối lượng bản thân: 9730 kg
- Khối lượng toàn bộ theo thiết kế lớn nhất: 37,400 kg



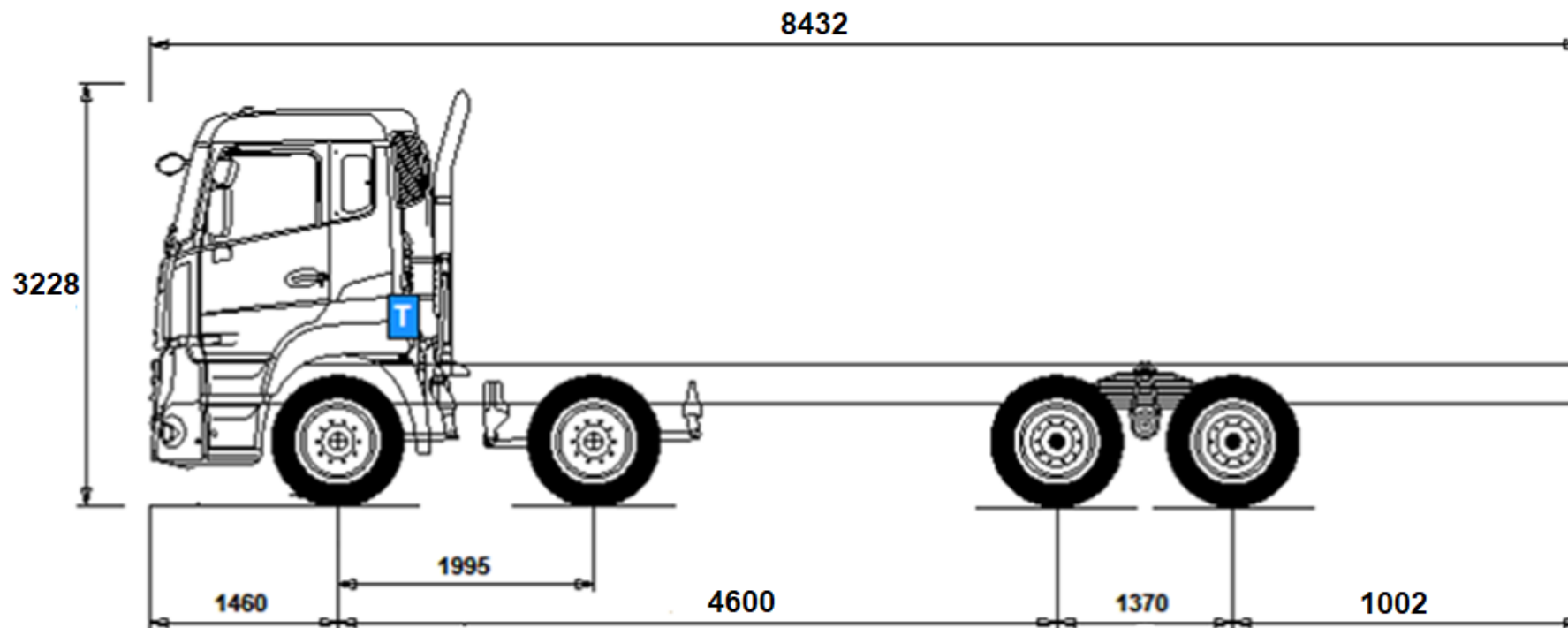
UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



I. THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE TẢI UD TRUCKS CGE350, 8x4

❖ BẢN VẼ KÍCH THƯỚC MẪU 2 (CHIỀU DÀI CƠ SỞ 4M6)



- Khối lượng bản thân: 9,552 Kg
- Khối lượng toàn bộ theo thiết kế lớn nhất: 37,400 kg

I. THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE TẢI UD TRUCKS CGE350, 8x4

ĐỘNG CƠ	
Model	GH8E 350 EUV
Loại động cơ	Diesel, 4 kỳ, 06 xy lanh thẳng hàng, turbo tăng áp, làm mát bằng khí nạp, phun nhiên liệu điện tử
Tiêu chuẩn khí thải	Euro V
Dung tích xy lanh (cc)	7698
Công suất cực đại (Hp(Kw)/rpm)	350(258)/2200
Moment xoắn cực đại (Nm/rpm)	1200/1200-1600
Dung tích nhớt máy (lít)	20.5 (tiêu chuẩn nhớt CI-4 15W40)
Hệ thống xử lý khí thải	SCR (Selective Catalytic Reduction)
Dung môi xử lý khí thải	Dung dịch Adblue
Dung tích thùng Adblue (lít)	34
Tiêu hao Adblue	(3% - 5%)/100 lít nhiên liệu
Hệ thống làm mát	Làm mát bằng nước, lưu thông cưỡng bức bơm ly tâm
Dung tích nước làm mát (lít)	39
Dung tích thùng nhiên liệu (lít)	315(± 10%)
Tiêu hao nhiên liệu (tham khảo)	8

I. THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE TẢI UD TRUCKS CGE350, 8x4

LY HỢP		
Ly hợp		Điều khiển thủy lực, trợ lực khí nén, đĩa ma sát khô, lò xo ép
Dung tích dung dịch trợ lực ly hợp (lít)		0,5 (DOT4)
HỘP SỐ		
Model		ST1199
Kiểu		09 số tiến, 01 số lùi
Tỷ số truyền	Số C (Crawler gear)	12.11
	Số 1 (Low range)	8.08
	Số 2 (Low range)	5.96
	Số 3 (Low range)	4.42
	Số 4 (Low range)	3.36
	Số 5 (High range)	2.41
	Số 6 (High range)	1.77
	Số 7 (High range)	1.32
	Số 8 (High range)	1
	Số lùi	12.66
Dung tích nhớt hộp số (lít)		13 (tiêu chuẩn nhớt GL-4 80W90)

I. THÔNG SỐ KỸ THUẬT XE TẢI UD TRUCKS CGE350, 8x4

CẦU CHỦ ĐỘNG		
Model	RTS2670B	
Tỷ số truyền cầu	4.63 (WB: 5600, 6500)	5.14 (WB: 4600)
Dung tích nhớt cầu (lít)	20.5 (F); 18.5 (R) (tiêu chuẩn nhớt GL-5 85W140)	
HỆ THỐNG LÁI		
Kiểu	Trục vít ê – cubi, trợ lực thủy lực	
Dung tích nhớt trợ lực lái (lít)	6	
HỆ THỐNG PHANH		
Phanh chính	Phanh tang trống, khí nén, trang bị ABS	
Phanh tay	Bầu hơi, lò xo tích năng	
Phanh phụ (hỗ trợ đổ đèo)	Phanh khí thải (cúp bô)	
HỆ THỐNG TREO		
Hệ thống treo (trước, sau)	Nhíp lá, giảm chấn thủy lực	
MÂM & LỐP		
Kiểu	Trục trước đơn, trục sau đôi	
Cỡ lốp (trước/sau)	11.00R20	

10



UD TRUCKS

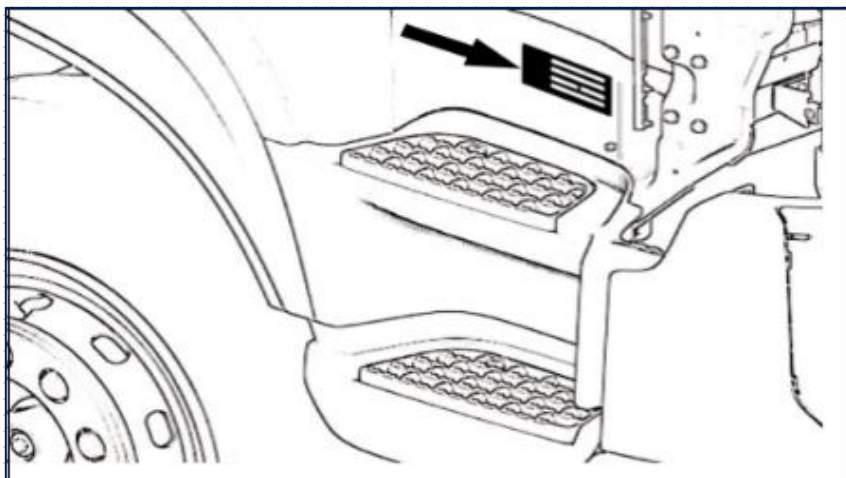
ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

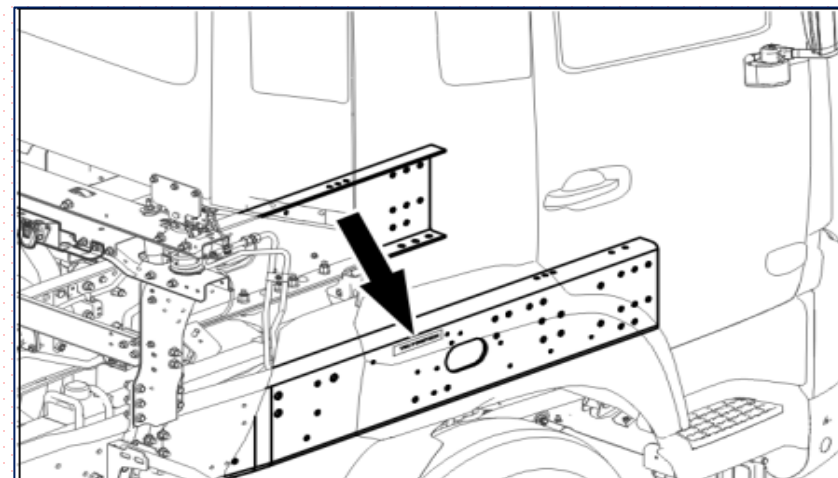
1. Nhận dạng số khung và số máy trên xe

Tấm nhận dạng xe



Tấm nhận dạng xe nằm phía trên bậc bước chân đầu tiên (bên phụ), mở cửa để thấy tấm nhận dạng xe. Đối với cả xe tay lái bên trái và xe tay lái bên phải, nó được đặt ở bên tay phải.

Vị trí số khung (VIN)



Số VIN được đóng ở trên mặt ngoài sát xi phía trước, bên tay phải.



UD TRUCKS

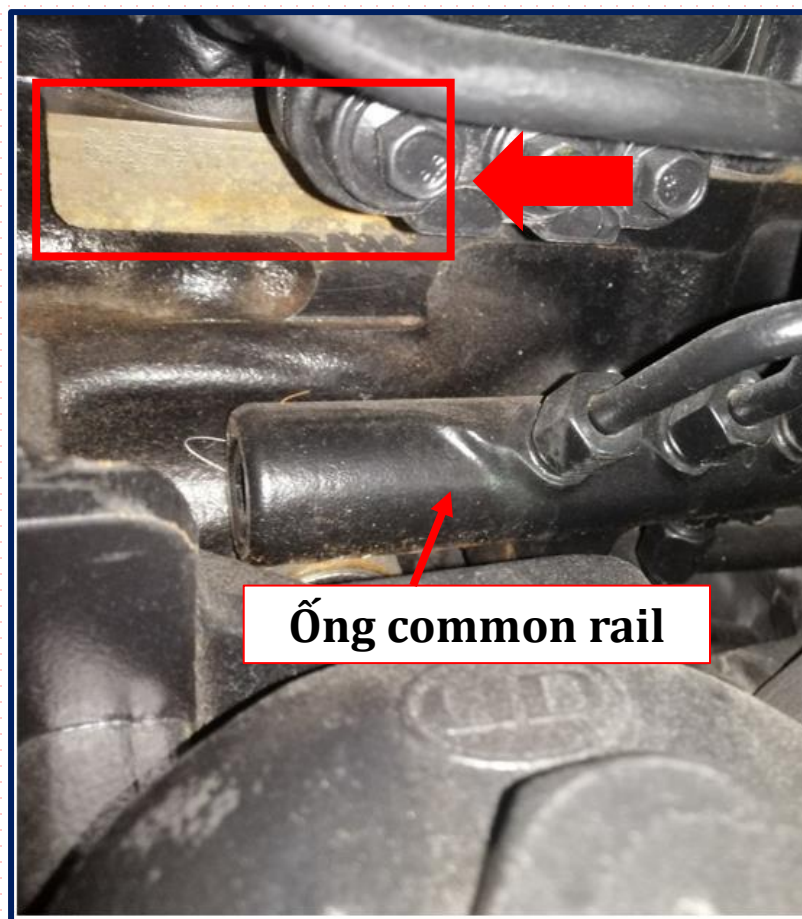
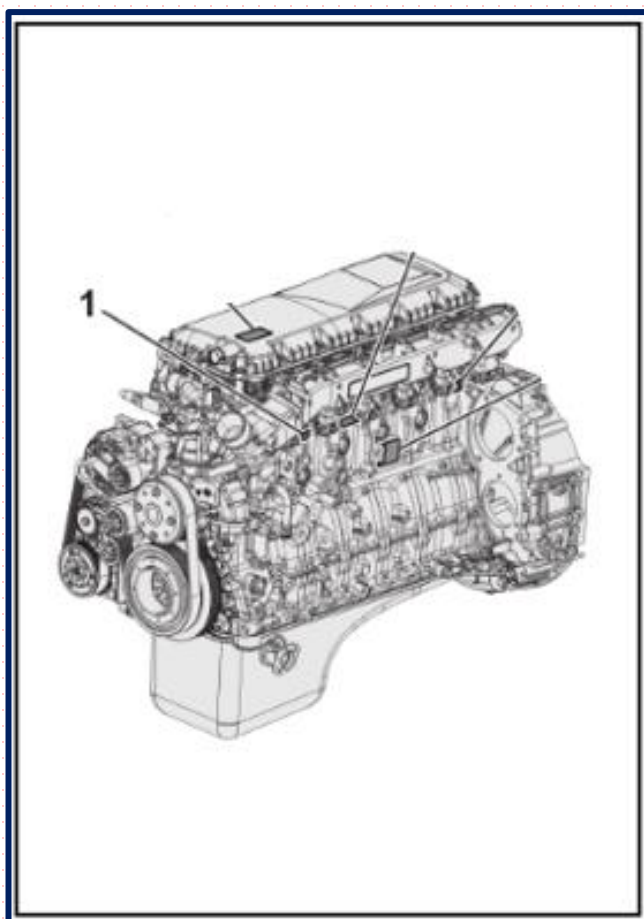
ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Nhận dạng số khung và số máy trên xe

Vị trí số máy



Số động cơ được đóng bên trái (bên tài) của động cơ (vị trí số 1).



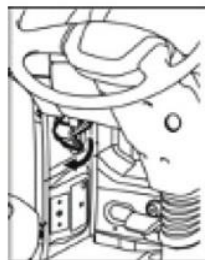
UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



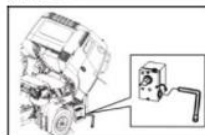
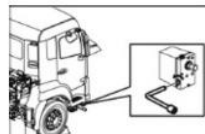
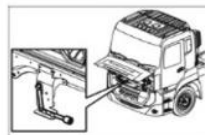
II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

2. Hướng dẫn nâng - hạ cabin



Nâng cabin bằng tay

1. Đậu xe trên một bề mặt bằng phẳng.
2. Gài phanh tay.
3. TẮT động cơ
4. Đảm bảo rằng có đủ không gian phía trước và phía trên cabin
5. Đảm bảo trong cabin không có các vật dễ rơi vỡ.
6. Đóng tất cả các cửa
7. Kê các bánh xe.
8. Mở nắp ca pô phía trước (bắt buộc) và lấy khoá xoay.
9. Xoay van chọn theo chiều kim đồng hồ
10. Sử dụng cần tuýp lắp vào núm xoay cùng với cần nối và bơm cho đến khi cabin nghiêng hoàn toàn.



Hạ cabin bằng tay

1. Xoay van chọn theo hướng ngược chiều kim đồng hồ.
2. Sử dụng cần tuýp lắp vào núm xoay cùng với cần nối và bơm cho đến khi cabin hạ hoàn toàn
3. Đặt khoá xoay vào vị trí ban đầu
4. Đóng nắp ca pô.

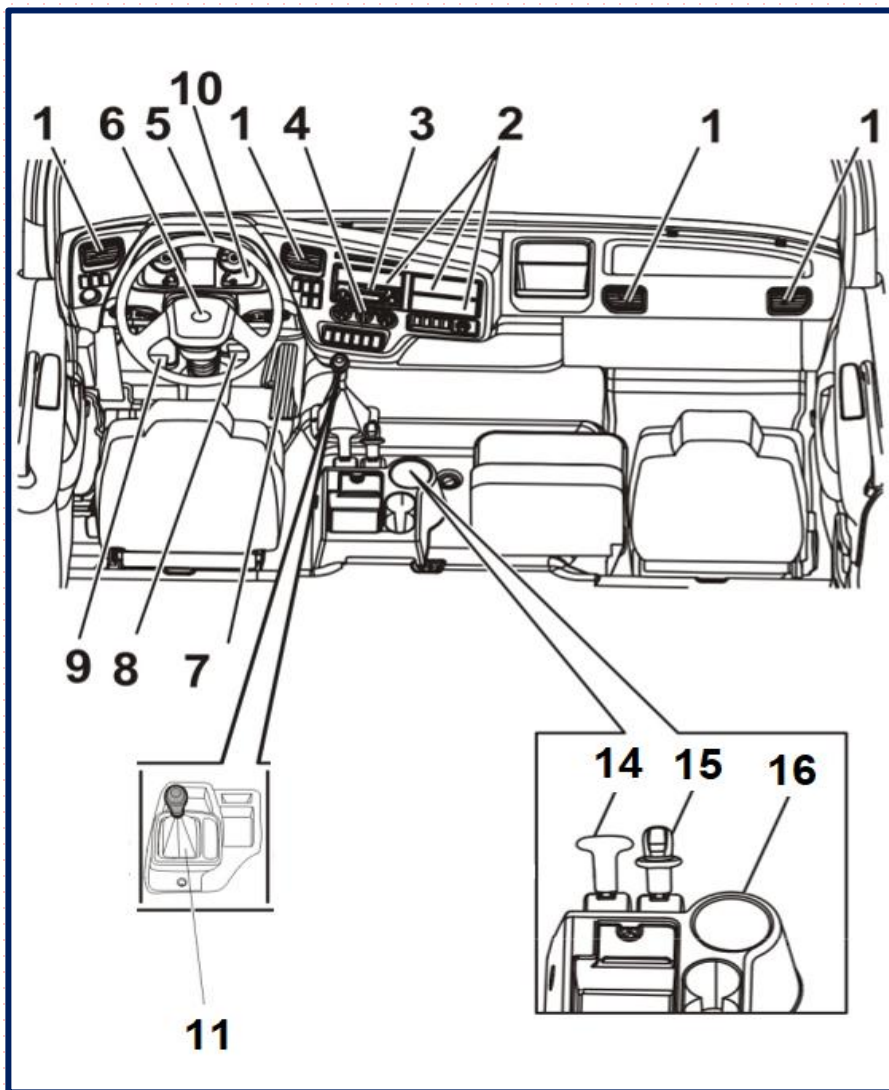


UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc



1. Cửa thông khí
2. Ngăn chứa đồ
3. Radio
4. Bảng điều khiển làm nóng, làm mát và thông gió
5. Vô lăng
6. Nút còi
7. Bàn đạp chân ga
8. Bàn đạp phanh
9. Bàn đạp ly hợp
10. Cụm đồng hồ
11. Cần số 9 cấp
15. Phanh rơ mooc
16. Phanh tay
17. Khay để ly

3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)



Cụm đồng hồ và các tín hiệu hiển thị

1. Đồng hồ công tơ mét
2. Đồng hồ tốc độ động cơ
3. Màn hình hiển thị thông tin tín hiệu cảnh báo
4. Màn hình hiển thị cài đặt chức năng
5. Đồng hồ nhiên liệu
6. Đồng hồ nhiệt độ nước làm mát
7. Đồng hồ áp suất khí nén (trước, sau)
8. Nút điều khiển lựa chọn chức năng



UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Tín hiệu cảnh báo được hiển thị trên đồng hồ

	Đèn cảnh báo ABS của xe		Phanh đỗ xe		Đèn báo lỗi động cơ (MIL)
	Đèn cảnh báo ABS của rơ moóc		Nhắc thắt dây an toàn		Đèn báo cabin chưa khoá
	Áp suất khí nén phanh		Dừng xe		Đèn báo vị trí
	Xông nóng động cơ		Đèn báo kiểm tra		Lỗi hệ thống phanh
	Đèn sương mù, trước		Đèn báo tín hiệu rẽ phải		Đèn báo bộ sấy nóng nhiên liệu
	Đèn sương mù, sau		Đèn báo tín hiệu rẽ trái		Đèn báo mòn bố phanh
	Đèn chiếu xa (pha)		Đèn báo tín hiệu rẽ phải của rơ moóc		Đèn báo PTO
	Đèn chiếu gần (cos)		Đèn báo tín hiệu rẽ trái của rơ moóc		Đèn báo chế độ O/D



UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

	Đèn báo nghẹt lọc nhiên liệu		Đèn cảnh báo nhớt hộp số		Đèn báo chế độ tăng nhanh (thò)
	Nhắc bảo dưỡng hộp số		Đèn báo mức nhiên liệu thấp		Đèn báo phanh phụ
	Nhắc có tin nhắn chờ		Đèn báo nhiệt độ nước làm mát		Đèn báo phanh tay rơ mooc
	Đèn cảnh báo AdBlue		Đèn báo cửa mở		Cảnh báo vượt quá giới hạn tốc độ
	Đèn cảnh báo mức AdBlue thấp		Đèn báo áp suất nhớt động cơ thấp		Cảnh báo quá nhiệt hộp số
	Đèn cảnh báo mức nhớt thấp		Đèn báo lỗi ắc quy không sạc điện		Cảnh báo quá nhiệt hộp số mức nghiêm trọng
	Đèn báo sự cố xử lý khí thải		Đèn AdBlue		Cấm chuyển số
	Đèn cảnh báo sự cố khí thải nghiêm trọng		Đèn báo chế độ tăng chậm (rùa)		Đèn báo có nước trong nhiên liệu

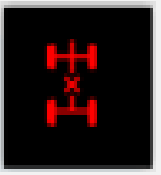
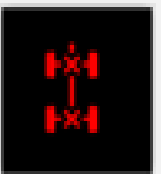


UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

	Đèn báo nghẹt lọc gió		Đèn báo khoá liên trục		Đèn báo quá trình xử lý khí thải đang diễn ra
	Đèn nhắc bảo dưỡng		Đèn báo khoá vi sai		Đèn cảnh báo chất lượng AdBlue thấp
	Đèn cảnh báo nhiệt độ nhớt động cơ		Nhiệt độ nhớt động cơ quá cao		Đèn cảnh báo nhớt hộp số mức độ nghiêm trọng
	Đèn báo Cruise Control				

3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Đồng hồ đo tốc độ động cơ



Đồng hồ đo tốc độ động cơ hiển thị tốc độ động cơ theo số vòng quay trên phút. Nó giúp bạn điều chỉnh tốc độ của động cơ phù hợp để tránh động cơ chạy quá yếu hoặc quá cao. Vùng màu xanh lá cây là vùng hoạt động an toàn và đạt hiệu quả kinh tế, tiết kiệm nhiên liệu.

Luôn vận hành động cơ trong vùng màu xanh trừ khi sử dụng phanh phụ.

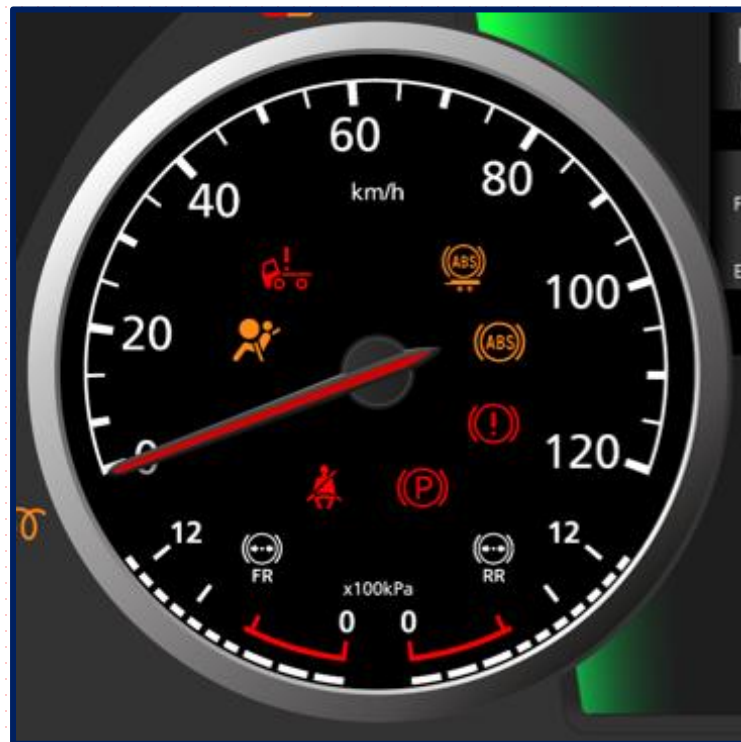


CẨN TRỌNG

Vùng màu đỏ cho biết phạm vi tốc độ động cơ nguy hiểm, nó có thể gây hư hỏng nghiêm trọng và giảm tuổi thọ cho động cơ. Luôn giữ chỉ báo dưới vùng nguy hiểm này.

3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Đồng hồ đo tốc độ xe



Đồng hồ công tơ mét của xe hiển thị tốc độ của xe tính bằng km trên giờ. Phạm vi của đồng hồ công tơ mét từ 0 - 120 km/h.

3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát



Mục đích của đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ là hiển thị nhiệt độ nước làm mát động cơ. Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ có đèn hiển thị cảnh báo (Đặt ở bên phải, được đánh dấu là **H**) đi kèm với nó được kích hoạt khi nhiệt độ nước làm mát cao. Khi nhiệt độ nước làm mát cao đèn báo **STOP** sáng lên và động cơ bắt đầu có tín hiệu xấu.

Hãy dừng xe ngay lập tức và liên hệ với đại lý UD Trucks được ủy quyền để được hỗ trợ!

Lưu ý: Không mở nắp két nước khi động cơ đang còn nóng!

3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Đồng hồ đo mức nhiên liệu



Đồng hồ đo cho biết lượng nhiên liệu gần đúng trong bình. Đồng hồ đo nhiên liệu hiển thị mức nhiên liệu khi khóa điện ON. Khi mức nhiên liệu nhỏ hơn **10%** dung tích bình nhiên liệu, đèn báo mức nhiên liệu thấp sẽ sáng.

Vị trí kim sẽ khác nhau chút ít khi ga, phanh hoặc khi xe xuống dốc hoặc lên dốc. Vì vậy kiểm tra mức nhiên liệu khi xe ít bị dao động hoặc khi đỗ.

3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Đồng hồ đo áp suất khí nén



1. Áp suất khí nén, phanh trước
2. Áp suất khí nén, phanh sau
3. Đồng hồ đo Adblue

Đồng hồ này hiển thị áp suất không khí trong bình chứa khí.

Áp suất hệ thống khí nén	770 - 950 kPa (7.7 - 9.5 bar)
--------------------------	----------------------------------

Áp suất khí được đọc theo bảng sau:

Thứ tự nấc LED	Áp suất (Bar)	Thứ tự nấc LED	Áp suất (Bar)
1	0-2	6	7
2	2,5-4	7	7,5
3	4,5-5,5	8	8-9,5
4	6	9	10-11,5
5	6,5	10	>12

Đồng hồ đo Adblue

Khi lượng AdBlue giảm trong bể (còn khoảng 10%), đèn thước đo sẽ sáng và thông báo lỗi sẽ hiển thị cho người lái xe, hãy nạp AdBlue vào bình chứa AdBlue.

Nếu hệ thống phát hiện thấy lỗi vẫn còn thì công suất của động cơ sẽ giảm đi 40% so với công suất tối đa.

3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Menu màn hình hiển thị



Nút ESC/Home (1)

Nút lên/ lùi (2)

Nút xuống/ tiến (3)

Nút Enter / OK (4)

Menu hiển thị được lựa chọn và tùy chỉnh bằng các nút ấn như hình bên, chúng cho phép lựa chọn và tùy chỉnh cài đặt một số chức năng của hệ thống. Ví dụ: cài đặt giờ, ngôn ngữ,...

CÁC THÔNG TIN CẢNH BÁO QUAN TRỌNG

Kí hiệu	Còi báo	Bật lên	Đèn báo trên bảng đồng hồ
	Nghe trong một thời gian ngắn	Màn hình hiển thị bật lên cho đến khi nhấn nút ESC hoặc trong 8 giây	Đèn cảnh báo bật sáng cho đến khi nhấn nút ESC hoặc trong 8 giây
	-	Màn hình hiển thị bật lên cho đến khi nút ESC được nhấn	Đèn cảnh báo phát sáng liên tục
	Nghe liên tục cho đến khi nhấn nút ESC	Đèn hiển thị STOP sáng lên khi có lỗi	Đèn cảnh báo phát sáng liên tục

3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Cửa sổ thông báo (Popups)



Màu đỏ: Cảnh báo nghiêm trọng

Chỉ không xuất hiện nếu lái xe thực hiện các hành động được khuyến nghị



Màu vàng: cảnh báo trước

Không xuất hiện nếu nút Home/Back được nhấn



Màu trắng: Thông tin

Không xuất hiện sau 5s

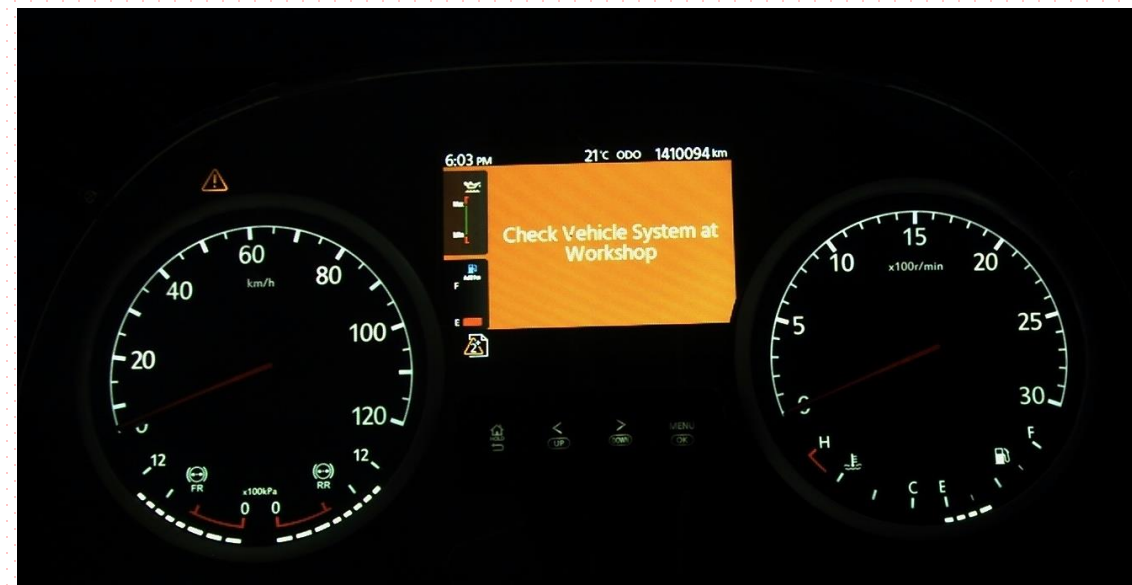
3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Cửa sổ thông báo (Popups) – Màu đỏ



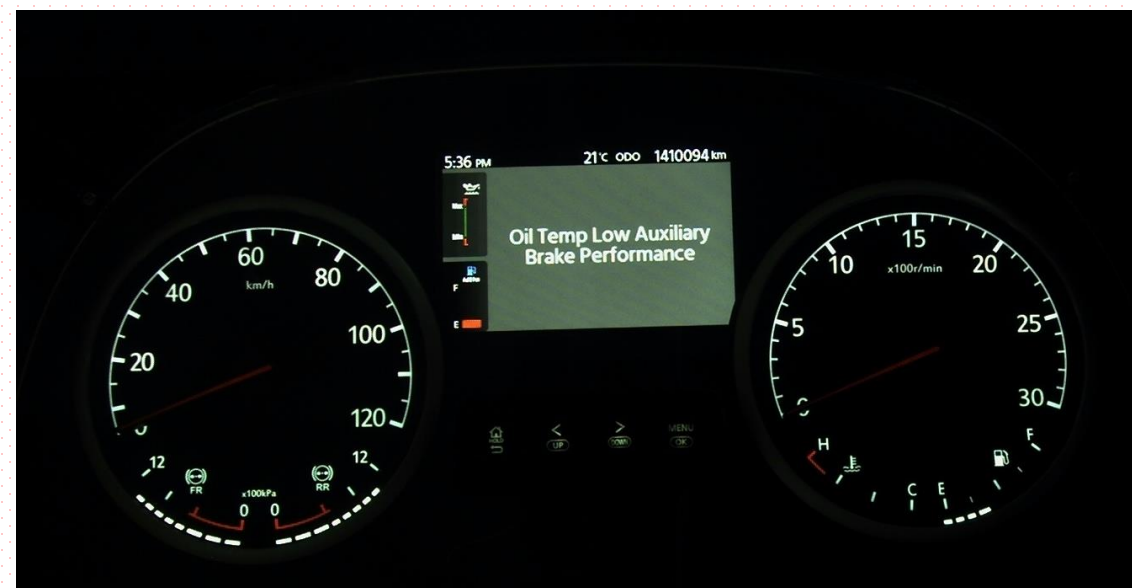
3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Cửa sổ thông báo (Popups) – Màu vàng



3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

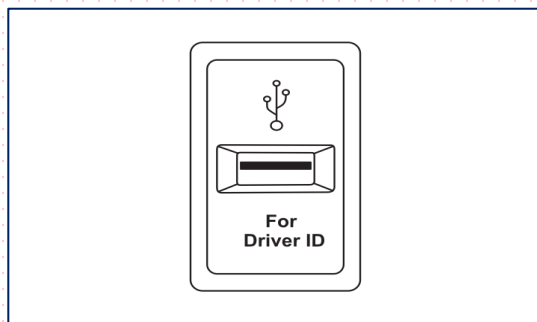
Cửa sổ thông báo (Popups) – Màu trắng



3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

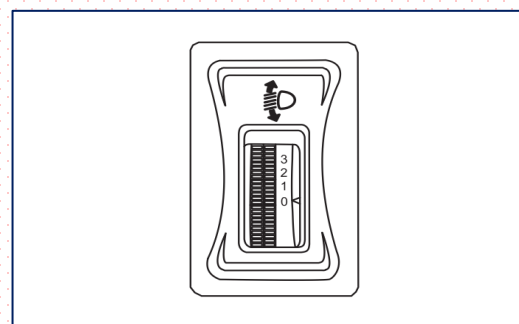
Các công tắc trên xe

Cổng ID lái xe dành cho TGW – nếu trang bị



Cổng giao tiếp USB sẽ khả dụng trên các xe có trang bị dịch vụ quản lý đội xe (TGW)

Công tắc cân chỉnh đèn pha

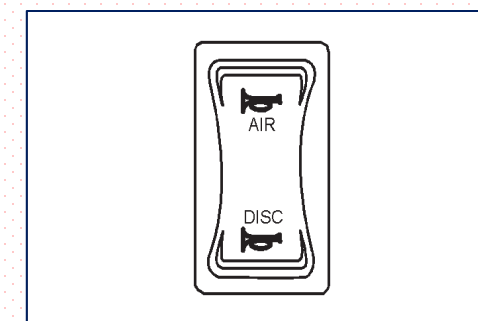


Việc điều chỉnh cân bằng đèn pha được thực hiện bằng cách xoay núm vặn của công tắc, khi núm vặn được điều chỉnh xuống thì đèn sẽ được điều chỉnh xuống và ngược lại.

Điều kiện không tải: vị trí 0

Điều kiện có tải: vị trí 1

Công tắc chọn còi

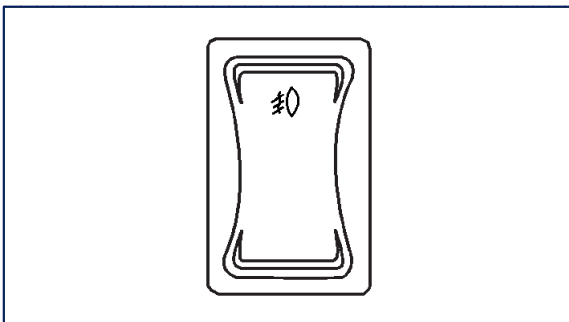


Cho phép chọn chế độ giữa còi hơi và còi điện

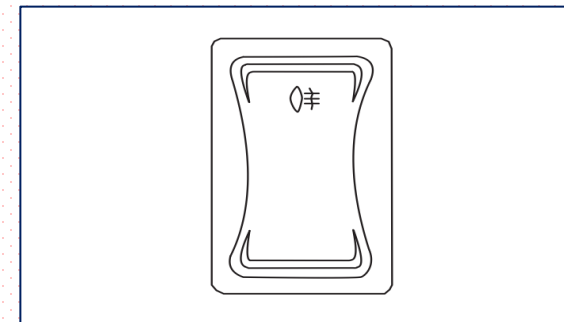
3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Các công tắc trên xe

Công tắc đèn sương mù trước

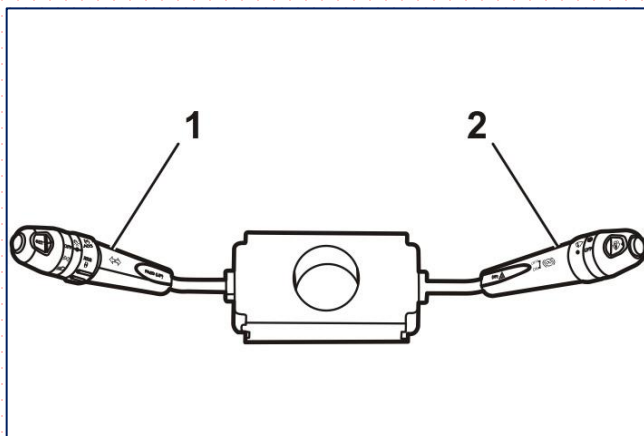


Công tắc đèn sương mù sau



3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Công tắc tổ hợp



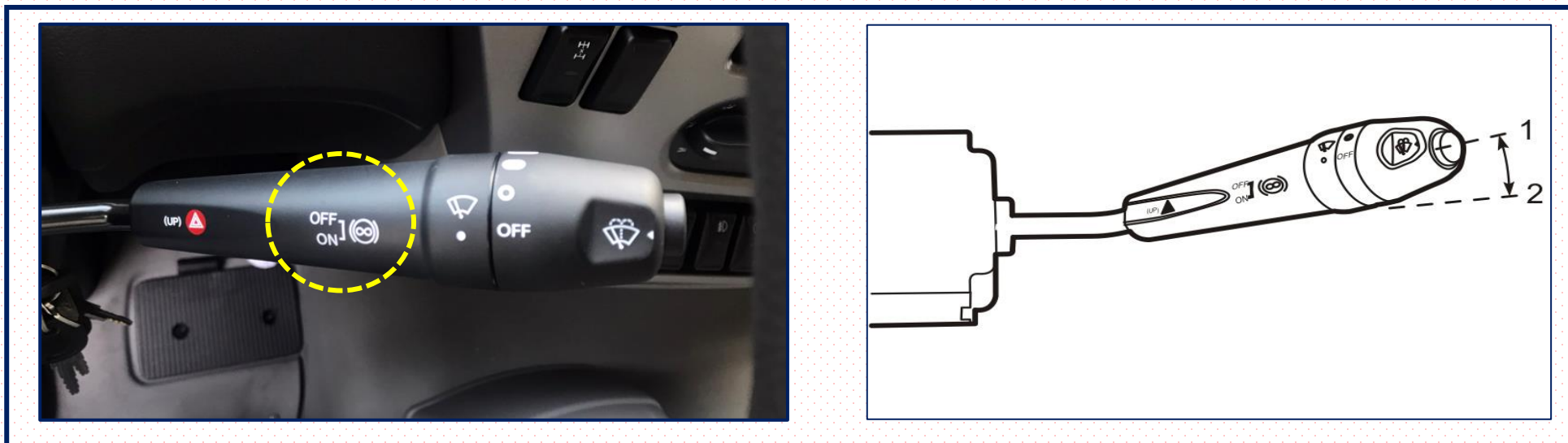
1. Cần điều khiển bên trái
2. Cần điều khiển bên phải

Công tắc tổ hợp kết hợp nhiều công tắc và các chức năng khác nhau để có thể được điều khiển một cách dễ dàng. Nó nằm ngay phía sau vô lăng để lái xe có thể điều khiển và sử dụng dễ dàng và thuận lợi

Điều khiển bên trái	Điều khiển bên phải
Điều khiển đèn	Phanh phụ
Đèn nháy	Rửa kính/ gạt mưa
Đèn xi nhan	Tín hiệu ưu tiên
Điều khiển ga tự động	

3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Công tắc điều khiển phanh phụ

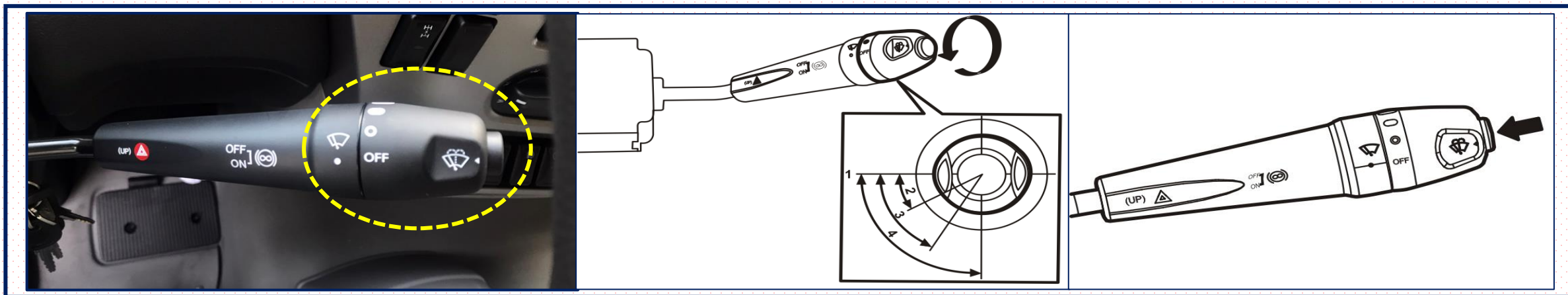


Để kích hoạt phanh phụ, công tắc tổ hợp được đẩy xuống (từ vị trí 1 (OFF) xuống vị trí 2 (ON))

Lưu ý: Khi không cần phanh phụ, trả công tắc về vị trí "1". Điều này sẽ tiết kiệm nhiên liệu và tuổi thọ của phanh phụ.

3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Công tắc gạt mưa và rửa kính



Chức năng gạt nước: Công tắc gạt nước là loại công tắc dạng vòng xoay và có một số chế độ hoạt động để loại bỏ nước mưa. Có thể vận công tắc ngược chiều kim đồng hồ để tăng tốc độ gạt nước theo chế độ tương ứng.

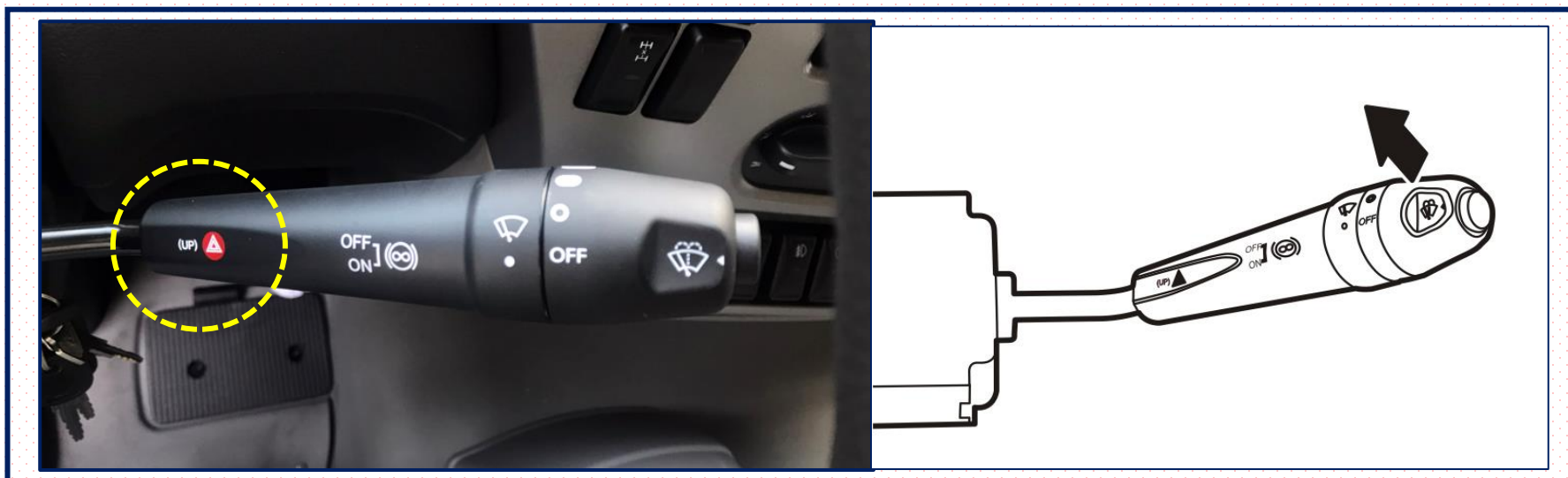
- | | |
|--------------|----------------|
| 1. OFF | 3. Tốc độ thấp |
| 2. Gián đoạn | 4. Tốc độ cao |

Công tắc điều khiển rửa kính là một nút nhấn và được bố trí tại cuối cần điều khiển. Khi mỗi lần nút điều khiển được nhấn, thì cần gạt nước và vòi phun nước (trên kính chắn gió) sẽ hoạt động trong một thời gian ngắn.

Lưu ý: Không sử dụng cần gạt nước khi kính chắn gió khô. Không nên nhấn nút gạt nước nếu bình chứa nước rửa kính đã cạn. Điều này có thể làm hỏng mô tơ bơm nước.

3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

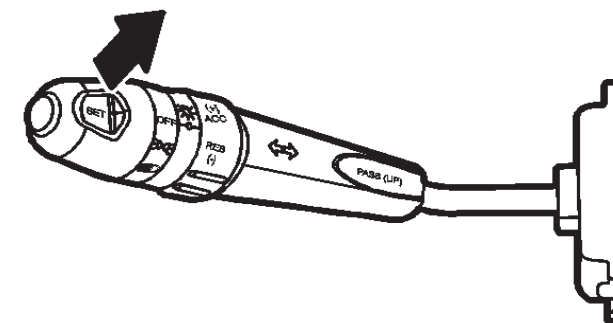
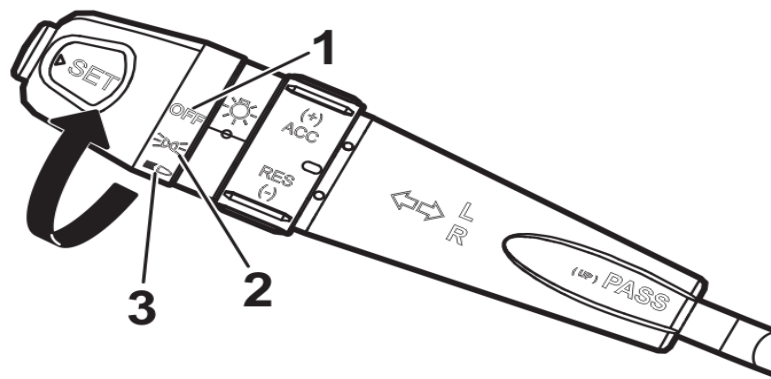
Công tắc đèn ưu tiên (cảnh báo nguy hiểm)



Để kích hoạt cảnh báo nguy hiểm, công tắc tổ hợp được đẩy lên trên về phía vô lăng từ vị trí trung gian.

3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Công tắc đèn và nháy (đá) đèn pha



Công tắc đèn	Vị trí công tắc tổ hợp
OFF	1
Đèn đỗ xe	2
Đèn cos	3
Đèn pha	3 và nhấn xuống

Chức năng điều khiển đèn (OFF , đèn đỗ xe, đèn pha) sẽ được điều khiển thông qua công tắc kiểu xoay. Đèn Cos/pha có thể thay đổi điều khiển bằng cách di chuyển cần gạt tổ hợp lên / xuống khi công tắc ở vị trí (3).

Đèn nháy (để vượt) có thể được điều khiển bằng cách di chuyển công tắc tổ hợp về phía vô lăng và nhả ra. Nó bao gồm vị trí tắt và vị trí hoạt động nhất thời (tự nhả ra khi thả tay).

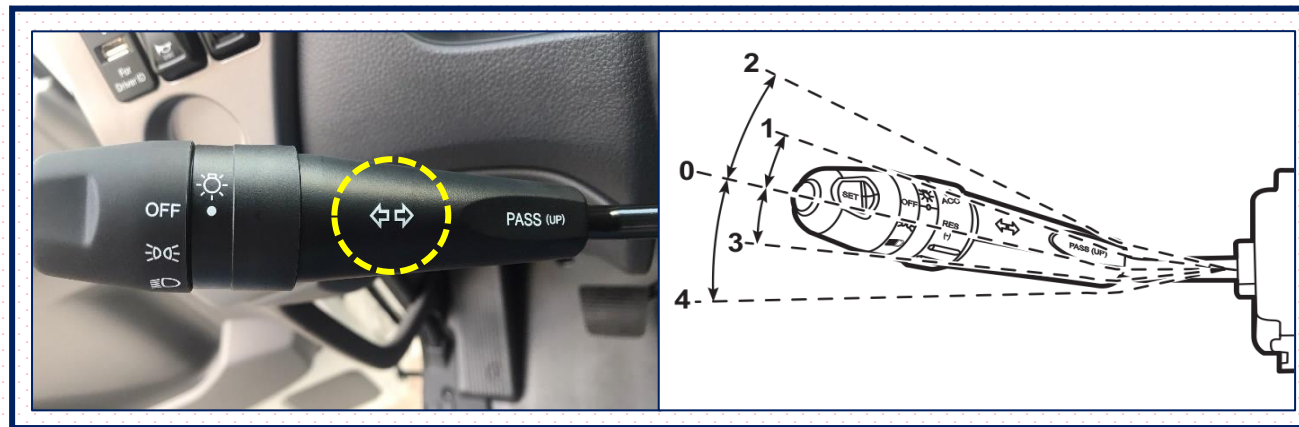
3. Hướng dẫn nhận diện và sử dụng bảng đồng hồ và các công tắc (tt)

Công tắc đèn báo rẽ

Tín hiệu báo rẽ được điều khiển bằng cách di chuyển cần điều khiển công tắc tổ hợp lên hoặc xuống (từ vị trí trung gian), song song với với vô lăng. Tín hiệu báo rẽ được điều khiển ở 2 chế độ hoạt động. Chế độ chuyển làn tạm thời và tín hiệu báo rẽ tự hủy.

Khi cần gạt được di chuyển đến vị trí đầu tiên (1&3), cần điều khiển sẽ quay trở lại vị trí ban đầu (vị trí trung gian) nếu được thả ra và đèn chỉ hướng sẽ chớp một lần. Nếu người lái giữ cần gạt ở vị trí đầu tiên (1&3), chức năng của đèn chỉ hướng sẽ hoạt động cho đến khi nó được thả ra.

Nếu cần gạt được di chuyển đến vị trí cuối (2&4) thì cần điều khiển sẽ không quay trở lại và chức năng chỉ hướng sẽ hoạt động cho đến khi được hủy bằng thủ công hoặc cơ chế hủy tự động.



Lưu ý: Luôn đảm bảo rằng, tín hiệu báo rẽ sẽ được tắt sau khi đã rẽ xong hoặc chuyển làn xong



UD TRUCKS

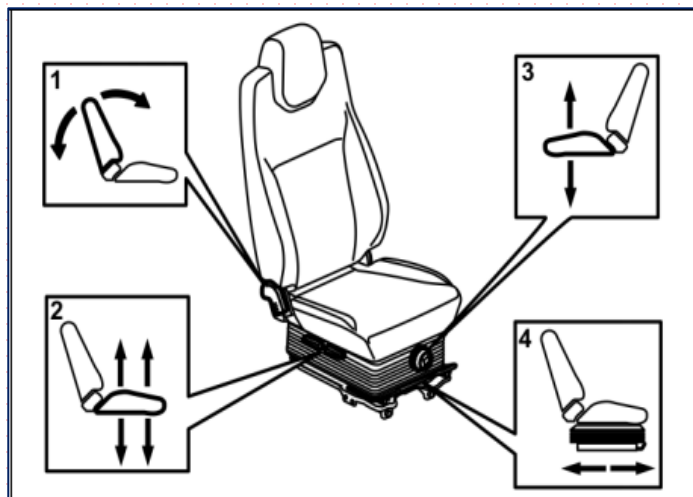
ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



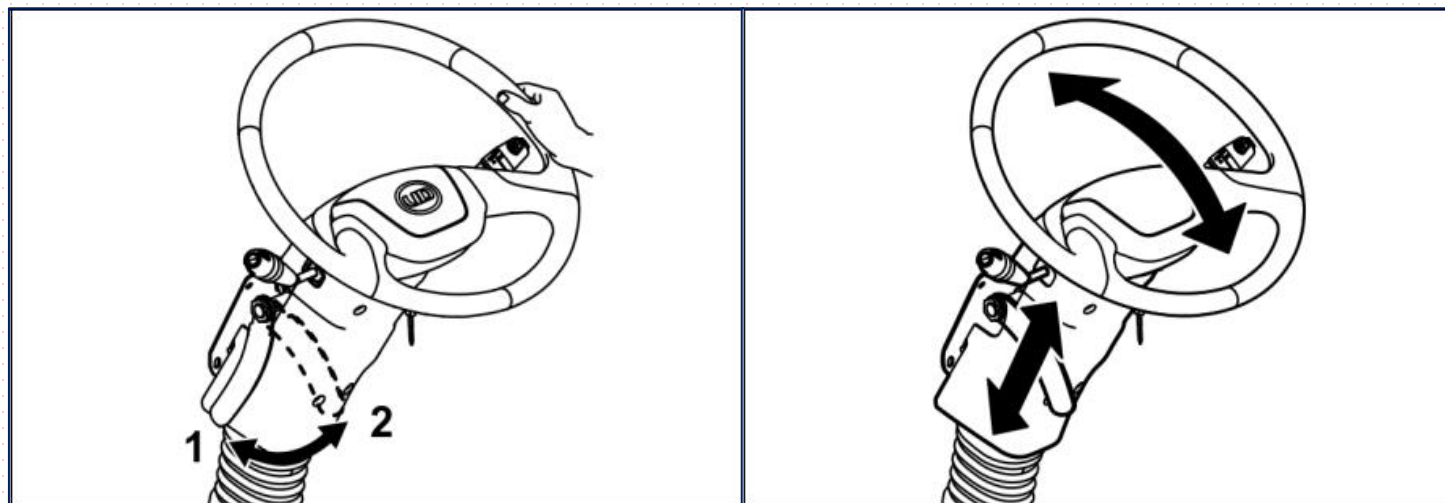
4. Hướng dẫn vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe

Điều chỉnh ghế và vô lăng

- Ghế tài và hành khách có thể được điều chỉnh theo nhiều hướng.
- Vô lăng được trang bị trên xe có thể điều chỉnh theo 4 hướng.
- **Lưu ý:** không điều chỉnh ghế & vô lăng trong khi đang lái xe



1. Điều chỉnh tựa lưng
2. Điều chỉnh độ nghiêng và độ cao của ghế
3. Điều chỉnh độ cao hệ thống giảm sóc
4. Điều chỉnh dọc ghế



1. Vị trí khóa vô lăng
2. Vị trí mở khóa vô lăng
3. Điều chỉnh vô lăng đến vị trí phù hợp

4. Hướng dẫn vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe

Sử dụng cần số

Hướng dẫn vận hành hộp số được dán tại tấm che nắng bên tài trên mỗi xe.

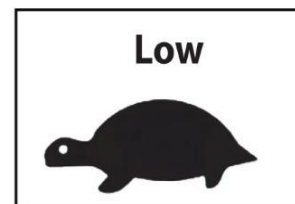
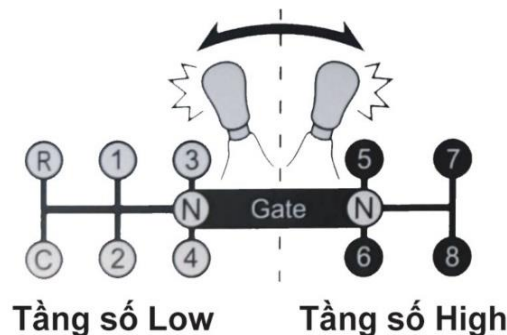
Hộp số sàn 9 cấp bao gồm 8 số tiến, 1 số chậm truyền thẳng 1:1 (**số C**) và một số lùi.

Số C được khuyến cáo sử dụng khi xe bị kẹt trong cát, đầm lầy, hố, ... Nó cũng có thể được sử dụng khi khởi động với tải nặng trong quá trình leo dốc.

HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH HỘP SỐ 9 SỐ

1. Phạm vi vận hành

- Đảm bảo rằng tầng số được thay đổi từ **Low** sang **High** hoặc từ **High** sang **Low**. Khuyến khích về vị trí **Gate** chờ 1-2 giây. Kiểm tra xem đèn báo "**Low**" trên bảng đồng hồ có sáng khi chuyển từ tầng số **High** sang **Low**.
- Lưu ý: Chuyển số đột ngột có thể không vào được số. Nếu điều đó xảy ra, về lại vị trí **Gate** và thực hiện lại chuyển số.



Số 5	Số 6	Số 7	Số 8
1750rpm	1300rpm	950rpm	750rpm

2. Những việc sau có thể làm hỏng hộp số

- Không chuyển trạng thái từ tầng số **High** sang tầng số **Low** nếu bạn vượt quá vòng tua tối đa cho phép như trên bảng trên.
- Khi xuống dốc, không để số vị trí **Gate** hoặc **N**.
- Luôn tháo trục các đăng khi xe được kéo. Nếu xe được kéo không tháo rời các đăng, thì nâng bánh xe sau lên khi kéo

4. Hướng dẫn vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Sử dụng P.T.O (nếu trang bị)

PTO cho phép lấy năng lượng cơ học từ xe để kích hoạt các chức năng phụ trợ, ví dụ máy bơm, v.v.. Một PTO có thể được kích hoạt và vô hiệu hóa bằng công tắc PTO trên bảng điều khiển.

Lưu ý: P.T.O được ngắt khi chìa khóa ở vị trí OFF. Khi chìa khóa được bật ON, P.T.O vẫn được ngắt mặc dù công tắc đang BẬT. TẮT công tắc P.T.O và mở khóa ON trước khi thực hiện lại P.T.O.

Nếu không ngắt ly hợp, việc bật hệ thống P.T.O có thể làm hỏng nghiêm trọng bánh răng.

Cần bật hệ thống P.T.O trong khoảng mô-men xoắn cho phép. Nếu quá tải có thể gây hư hỏng nghiêm trọng cho hộp số và bánh răng.

Hướng dẫn Vận hành PTO (Power Take-Off)

1. Cách vận hành PTO (loại 9 số & 12 số)

- Kéo phanh tay và di chuyển cần số về vị trí **N** ở dải số **Low**
- Đảm bảo rằng đèn báo phanh tay trên đồng hồ taplo đang BẬT
- Đạp ly hợp hết hành trình và bật công tắc PTO. Cài số với bất kỳ số **Low** nào
- Thay đổi sau khi đảm bảo rằng đèn PTO sáng trên công tắc PTO và đèn tầng chậm đang TẮT. Từ từ nhả ly hợp để làm việc với PTO
- PTO không hoạt động nếu bạn chuyển sang số lùi.

2. Xe đang dừng chuyển sang di chuyển khi PTO đang BẬT:

- Đạp ly hợp hết hành trình và chuyển cần số sang số 1
- Thả phanh tay và đảm bảo đèn phanh tay trên đồng hồ taplo TẮT
- Chờ cho đến khi đèn Rùa sáng trong đồng hồ taplo và từ từ thả bàn đạp ly hợp để di chuyển xe
- Còi chuyển vùng sẽ phát ra khi PTO BẬT và tính năng di chuyển của xe được kích hoạt.
- KHÔNG chuyển số trong quá trình di chuyển của Xe khi PTO đang BẬT

3. Xe đang chạy chuyển sang dừng lại khi PTO đang BẬT:

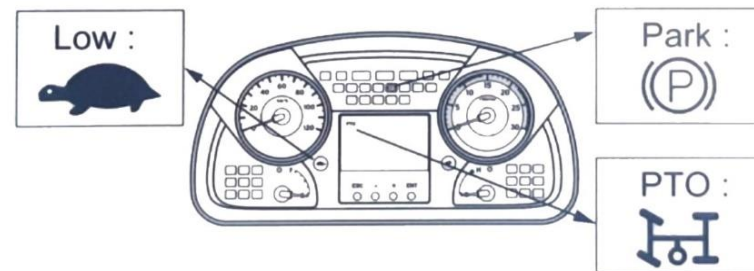
- Nhấn hết bàn đạp ly hợp và đạp phanh
- Đảm bảo rằng đèn phanh tay sáng và đèn Rùa đang TẮT trên đồng hồ taplo
- Thả ly hợp từ từ để tiếp tục làm việc với PTO

4. Làm thế nào để dừng PTO:

- Đạp ly hợp hết hành trình và di chuyển cần số về vị trí **N**. Tắt công tắc PTO
- Trước khi vận hành xe sau khi sử dụng PTO, hãy đảm bảo rằng đèn PTO đang TẮT và đèn rùa đang sáng

5. Chế độ bị cấm

- Để ngăn ngừa tai nạn khi vận hành PTO, hãy làm theo tất cả các biện pháp phòng ngừa và hướng dẫn trong sách hướng dẫn và liên quan đến việc sử dụng PTO

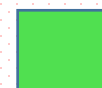


4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Hướng dẫn lái xe đạt hiệu quả nhiên liệu tối ưu

Hệ thống huấn luyện sử dụng nhiên liệu (**Fuel coaching system**) hướng dẫn người lái vận hành trong vùng hoạt động tốt nhất có thể của động cơ. Điều này đạt được bằng cách hướng dẫn người lái xe bằng cách chiếu sang ánh sáng xanh lục và xanh lam trong cụm đồng hồ. Hệ thống cũng sẽ giúp người lái xe theo dõi hành vi lái xe và hiệu suất của mình trong một khoảng thời gian xác định hoặc các hành trình được ghi lại mà chủ xe có thể trích xuất và phân tích.

Biểu tượng “**Fuel coaching**” sẽ được kích hoạt khi xe đạt tốc độ 30 km/h đối với xe tải đường dài và 10 km/h đối với xe tải chạy công trình.



Trong phạm vi Rpm đạt hiệu quả nhiên liệu



Ngoài phạm vi Rpm đạt hiệu quả nhiên liệu



UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

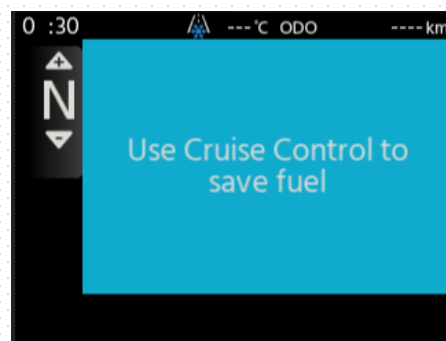


4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Huấn luyện lái xe trực tiếp
(Để đạt được Rpm tối ưu)



Thông báo huấn luyện lái xe/
Lời khuyên



Đánh giá hiệu quả lái xe



Chiếu sáng	Màu xanh lục hoặc lam đánh giá cho hiệu quả
4 Thông báo	Động cơ đạt tối ưu nhiên liệu
	Quan sát chỉ dẫn điểm tối ưu để tiết kiệm nhiên liệu
	Giảm tốc độ động cơ để đạt điểm tối ưu
	Giảm tốc độ để tiết kiệm nhiên liệu

10 Thông báo	Sử dụng Cruise control để tiết kiệm nhiên liệu
	Sử dụng tốt CC
	Xuống dốc khi giảm tốc độ để tiết kiệm nhiên liệu
	Xuống dốc hiệu quả
	Giảm tốc độ để tiết kiệm nhiên liệu
	Nhả bàn đạp chân ga trước khi đến đỉnh dốc
	Tránh tốc độ cầm chừng để tiết kiệm nhiên liệu
	Tránh phanh gấp để an toàn
	Tránh sử dụng tốc độ cầm chừng lâu để tiết kiệm nhiên liệu
	Tránh gia tốc nhanh để an toàn

KPI	SUB-KPI
Dự đoán & phanh	Xuống dốc
	Phanh
Sử dụng Động cơ & Hộp số	I-Shift ở chế độ A
	I-Shift ở chế độ M
	I-Shift ở chế độ P
	Số cao nhất
	Không ở trong tính kinh tế
	Trên tính kinh tế
	Vượt quá
	Tải động cơ
	Quá tốc độ
Thích ứng tốc độ	Cruise control
Đứng yên	Cầm chừng



UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Đánh giá hiệu quả lái xe

- Hệ thống đánh giá hiệu quả lái xe đã có trên xe. Trong đó, lái xe sẽ được đánh giá theo thang điểm 100
 - Đánh giá tổng thể
 - 4 Điểm KPIs (**Key Performance Indicator**) đánh giá chính
 - Động cơ/ sang số
 - Tốc độ
 - Dự đoán trước tình huống & phanh
 - Nổ tại chỗ (cầm chừng)
 - Đánh giá cho mỗi KPI phụ trong mỗi KPI chính
 - Đánh giá được cập nhật sau mỗi 2 giờ lái xe
- Đánh giá tổng thể có sẵn trên màn hình yêu thích (favourites screen)
- Điểm số riêng biệt cho các KPI và KPI phụ khác nhau có sẵn trong menu không lái xe



	80 - 100	Đạt
	60 - 79	Cần cải thiện
	<60	Không đạt

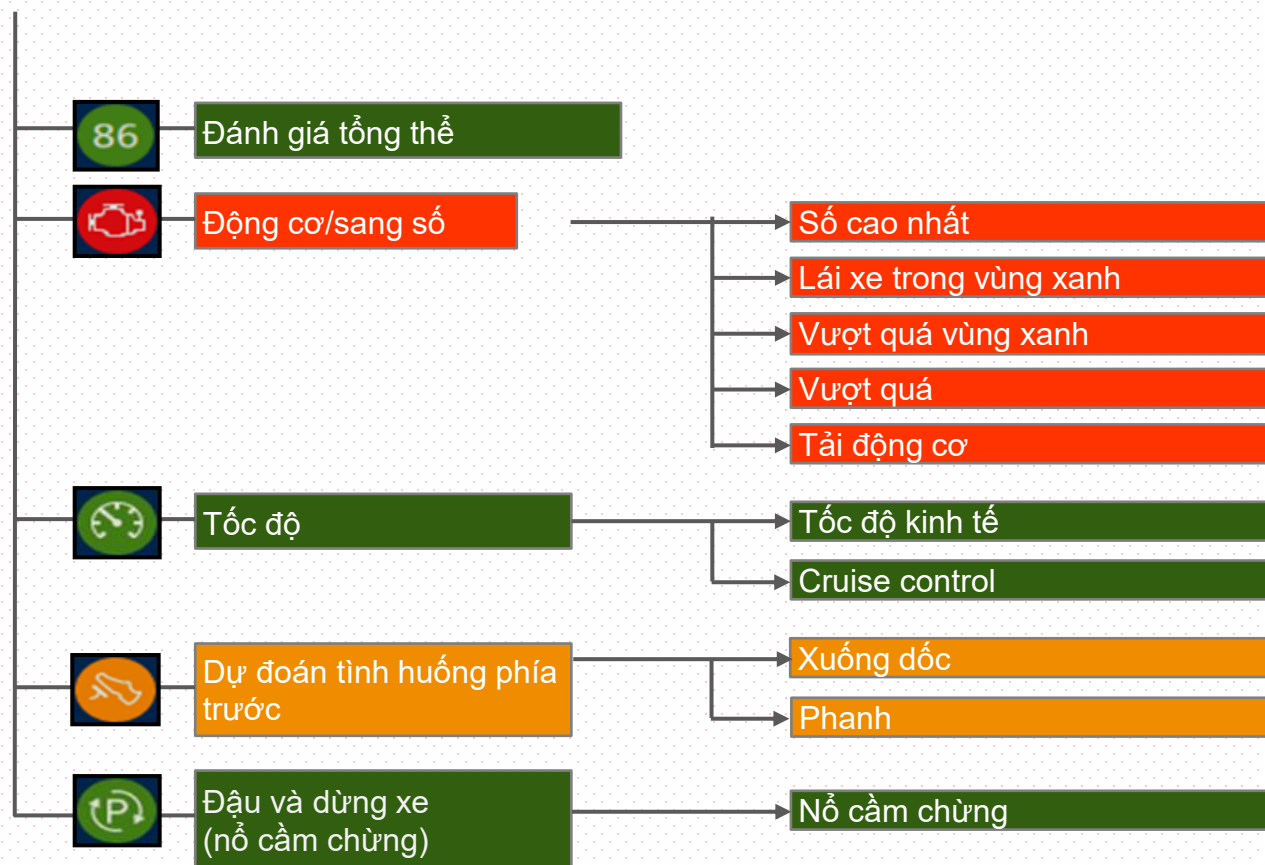


UD TRUCKS

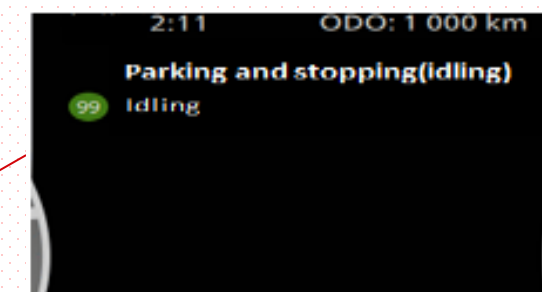
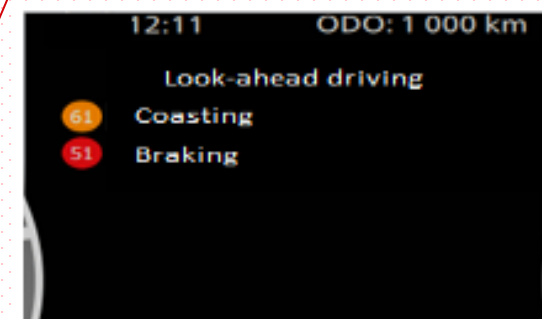
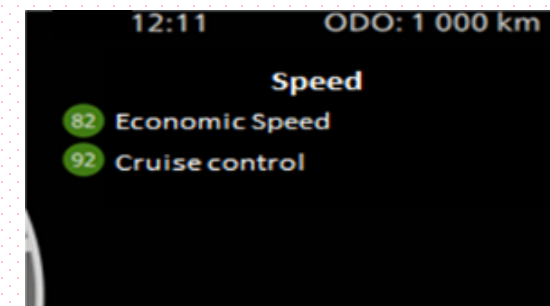
ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)



Màn hình hiển thị





UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

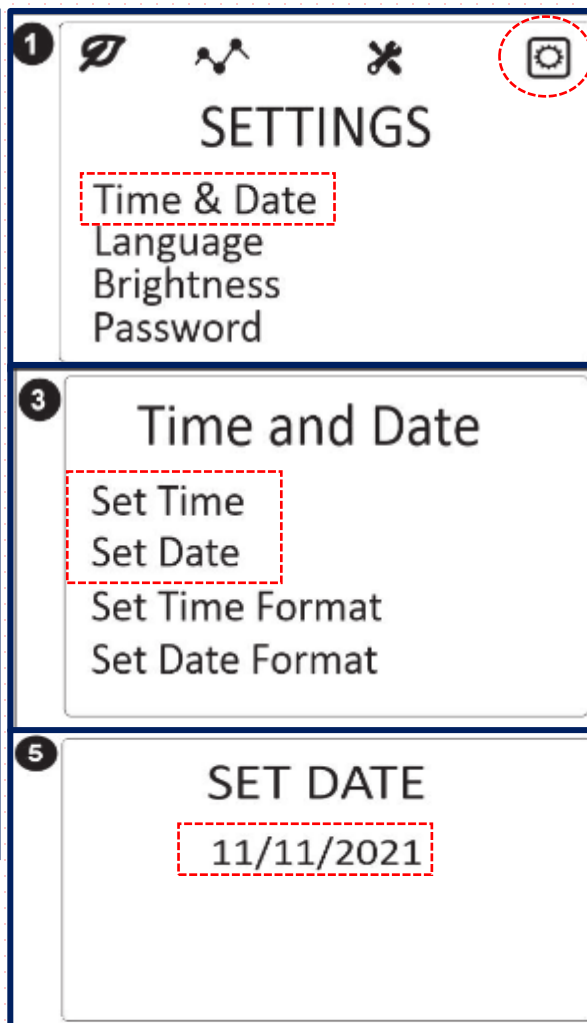


4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Hướng dẫn cài đặt thời gian và ngày trên đồng hồ hiển thị



Nút ESC/Home (1) Nút xuống/ tiến (3)
Nút lên/ lùi (2) Nút Enter / OK (4)



Các bước thực hiện:

1. nhấn nút số 4 để vào “Main Menu”
2. Nhấn nút số 3 để di chuyển đến biểu tượng “bánh răng”
3. Nhấn nút số 4 để xác nhận vào cài đặt
4. Di chuyển đến mục “Time & Date” bằng nút số 2 & 3
5. Nhấn nút số 4 để xác nhận chọn.
6. Nhập thời gian/ ngày bằng cách nhấn nút số 2 hoặc 3 (tương ứng sẽ tăng/giảm con số. Sau khi nhập xong tại 1 vị trí nhấn nút số 4 để xác nhận và chuyển qua vị trí tiếp theo, thực hiện tương tự cho đến khi hoàn thành công việc.
- Sau khi hoàn tất công việc xác lập thời gian, giữ nguyên trong vòng 5s cho đến khi màn hình hiển thị thời gian mới vừa được cập nhật
7. Sau khi hoàn tất nhấn nhiều lần nút số 1 để thoát ra.



UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



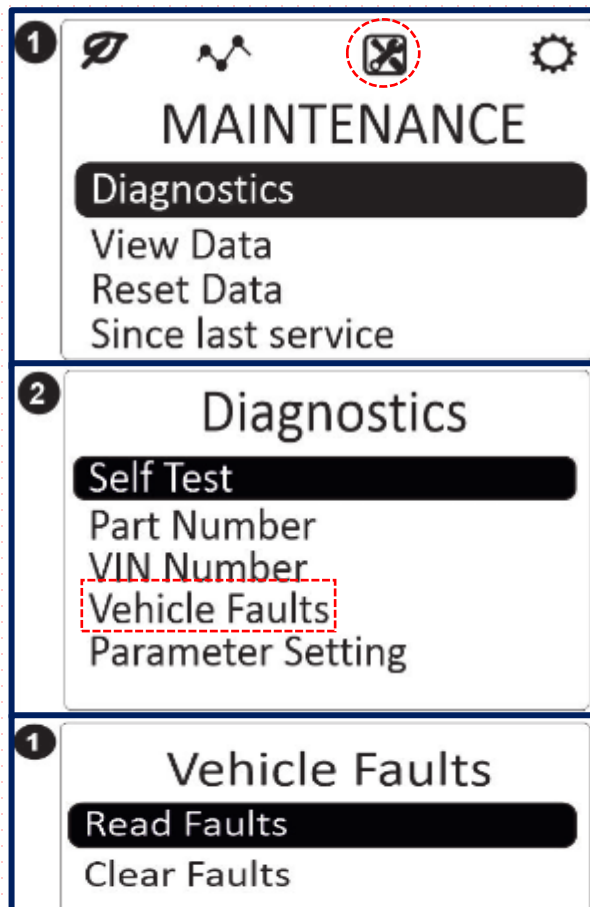
4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Hướng dẫn đọc mã lỗi hiển thị trên xe

Việc thao tác đọc mã lỗi trên xe nhằm thu thập thông tin về lỗi hiện hành trên xe để cung cấp cho Trạm dịch vụ ủy quyền UD Trucks nhằm có hướng tư vấn, khắc phục hoặc xử lý tạm thời cho sự cố từ xa.



Nút ESC/Home (1) Nút xuống/ tiến (3)
Nút lên/ lùi (2) Nút Enter / OK (4)



1. Nhấn nút số 4 để vào **"Main menu"**
2. Nhấn nút số 3 để di chuyển đến mục **"setting"**
3. Nhấn nút số 4 để xác nhận vào cài đặt
4. Nhấn nút số 3 để di chuyển đến mục **"Dianostics"**
5. Nhấn nút số 4 để xác nhận vào mục đã chọn
6. Sau khi vào mục đã chọn nhấn nút số 3 để di chuyển đến mục **"vehicle faults"**
7. Nhấn nút số 4 để xác nhận vào mục đã chọn
8. Dùng nút số 3 để di chuyển và chọn mục **"read faults"**



UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

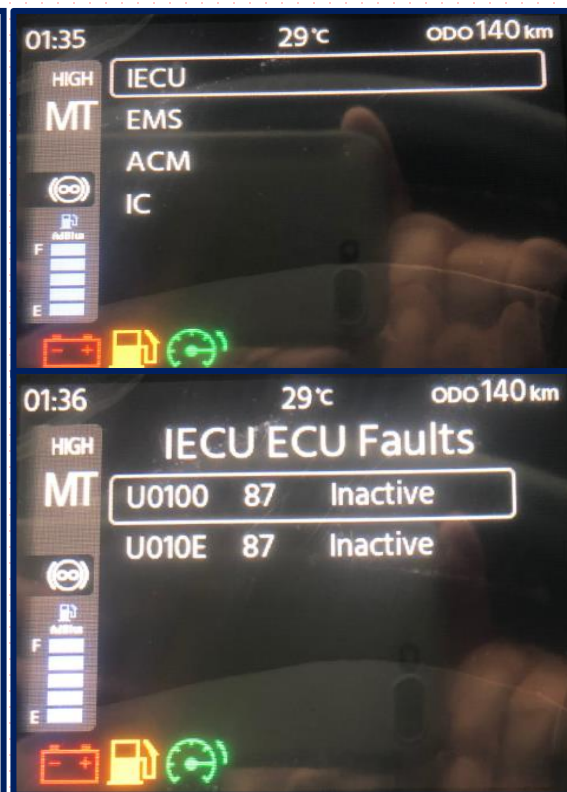


4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Hướng dẫn đọc mã lỗi hiển thị trên xe (tt)



Nút ESC/Home (1) Nút xuống/ tiến (3)
Nút lên/ lùi (2) Nút Enter / OK (4)



5. Tùy vào từng trường hợp báo lỗi liên quan đến hệ thống nào thì chọn vào hệ thống đó để xem mã lỗi. Chọn hệ thống cần xem bằng nút số 4. Có 4 hệ thống:

ACM: mã lỗi liên quan đến điều khiển khí thải

EMS: mã lỗi liên quan đến hệ thống điều khiển động cơ

IECU: mã lỗi liên quan đến điều khiển các chức năng

IC: Mã lỗi liên quan đến cụm đồng hồ táp lô

6. Trường hợp đã vào 1 hệ thống để xem mã lỗi nhưng muốn xem tại 1 hệ thống khác. Quay lại menu “read faults” bằng nút số 1 và chọn hệ thống khác.

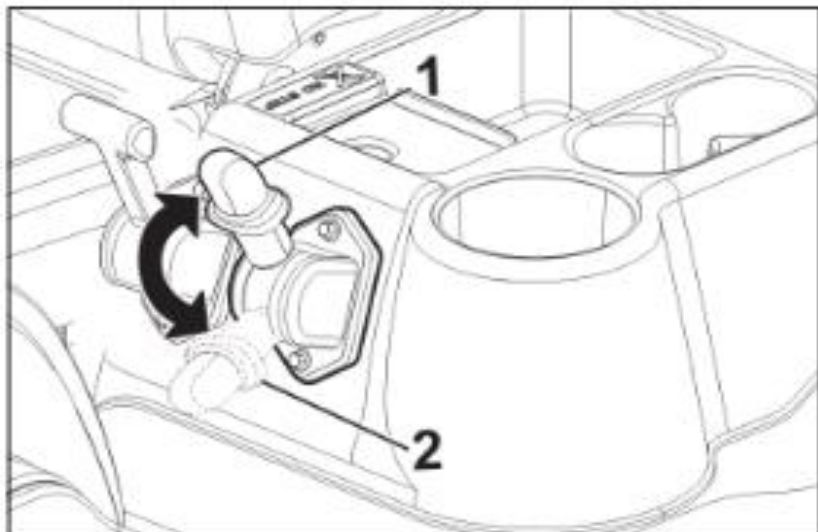
7. Thoát ra màn hình chính bằng cách nhấn nhiều lần nút số 1.

Ghi chú: Các mã lỗi ở trạng thái “Active” là các mã lỗi hiện hành và xe đang gặp sự cố cần khắc phục.

Các mã lỗi ở trạng thái “Inactive” các mã lỗi quá khứ không ảnh hưởng đến hoạt động hiện tại của xe.

4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Phanh đỗ xe



1. Gài phanh đỗ

2. Nhả phanh đỗ

Đã gài phanh đỗ

Kéo cần đến vị trí đỗ và đảm bảo rằng bạn có thể nghe thấy âm thanh thoát khí.

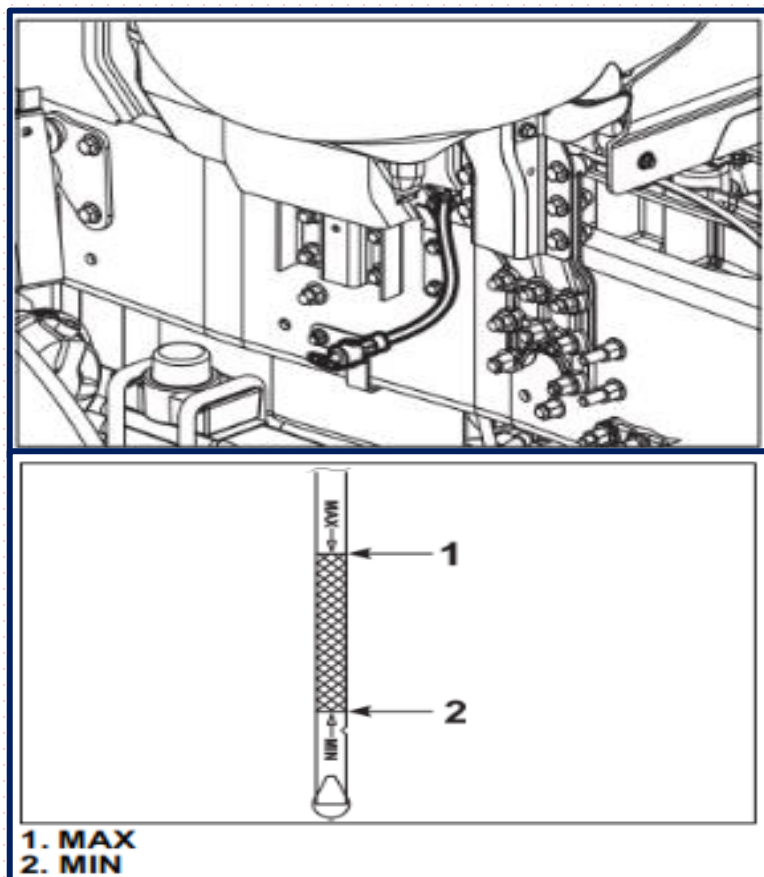
Đảm bảo rằng cần gạt được cố định ở vị trí đỗ

Sau khi nhả phanh tay, hãy chắc chắn đèn báo phanh đỗ tắt trước khi di chuyển xe.

4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Những lưu ý trước khi vận hành

Mức dầu động cơ & đèn báo áp suất nhớt



- Dừng xe trên bề mặt bằng phẳng
- Rút que thăm dầu ra và lau sạch dầu trên bề mặt thước đo. Lắp chặt que thăm và tháo ra. Kiểm tra xem mức dầu có nằm giữa MAX và MIN hay không.
- Luôn duy trì mức dầu giữa vạch MAX và MIN của que thăm dầu
- Nếu mức dầu dưới MIN, nhất thiết phải đổ thêm dầu động cơ. Sử dụng dầu động cơ đúng chủng loại theo khuyến cáo của NSX.

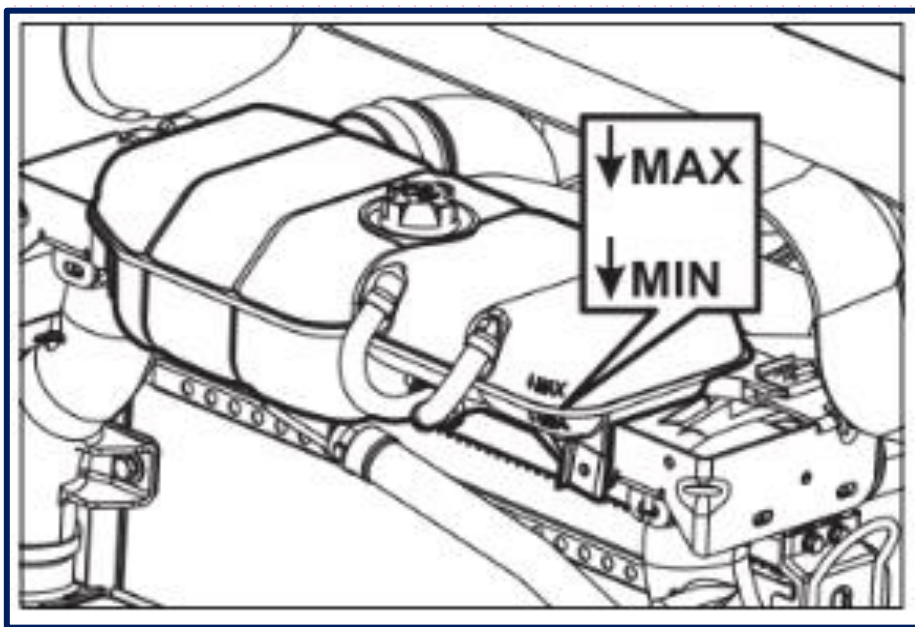
Lưu ý: Luôn kiểm tra mức dầu động cơ khi động cơ nguội. Thời gian tốt nhất để kiểm tra mức dầu là trước khi vận hành động cơ hoặc khoảng 30 phút sau khi tắt động cơ.

Đèn báo áp suất dầu động cơ hiển thị khi chìa khóa điện đặt ở vị trí “ON” và sẽ tắt khi động cơ được khởi động. Nếu đèn sáng khi động cơ đang hoạt động, cần phải tắt động cơ ngay. Liên hệ với trạm dịch vụ ủy quyền của UD Trucks gần nhất để được hỗ trợ.

4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Những lưu ý trước khi vận hành

Mức nước làm mát



Mở nắp ca pô phía trước để kiểm tra mức nước làm mát động cơ.

Kiểm tra mức nước làm mát trong bình giãn nở. Mức nước làm mát phải được duy trì trong khoảng từ MAX đến MIN.

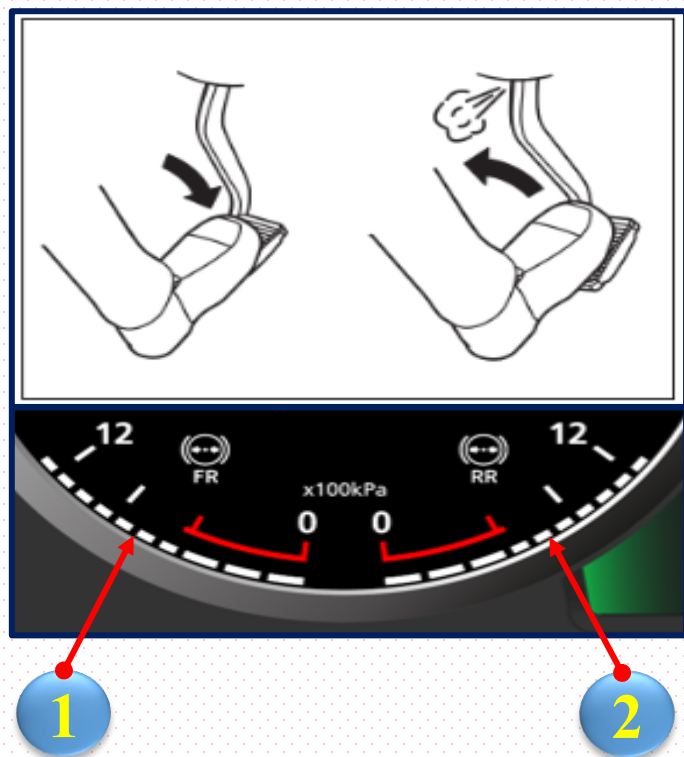
Lưu ý: Không mở nắp két nước khi động cơ đang còn nóng.

- Tiếp tục lái xe với mức nước làm mát thấp có thể gây quá nhiệt cho động cơ và có thể làm hỏng nghiêm trọng cho động cơ.

4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Những lưu ý trước khi vận hành

Kiểm tra hoạt động của phanh và áp suất khí nén



1. Áp suất khí nén, phanh trước

2. Áp suất khí nén, phanh sau

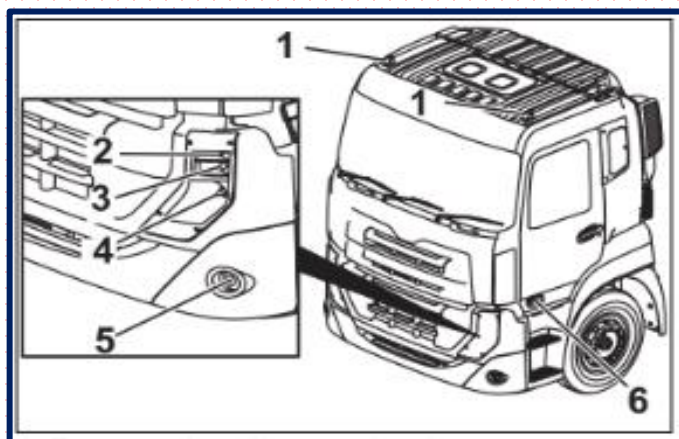
- Luôn giữ sạch sẽ khu vực xung quanh các bàn đạp. Chai lỏng và sỏi có thể chèn vào bàn đạp và cản trở hoạt động phanh.
- Phanh hoạt động bình thường, nếu bàn đạp phanh không bị kẹt khi nhấn và có thể nghe thấy âm thanh xả khí khi nhả ra. Bàn đạp phanh phải trở lại vị trí ban đầu khi nhả ra.
- Kiểm tra áp suất khí nén của phanh trước và phanh sau bằng cách theo dõi đồng hồ áp suất trên bảng đồng hồ.
- Kiểm tra xem áp suất khí nén hiển thị trong đồng hồ áp suất có bình thường không và chỉ báo hiển thị nằm trong phạm vi 7.7 - 9.5 bar.
- Nếu áp suất khí nén không tăng bình thường, có thể có rò rỉ trong hệ thống khí nén hoặc các vấn đề khác. Liên hệ ngay với đại lý UD Trucks được ủy quyền.

4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Những lưu ý trước khi vận hành

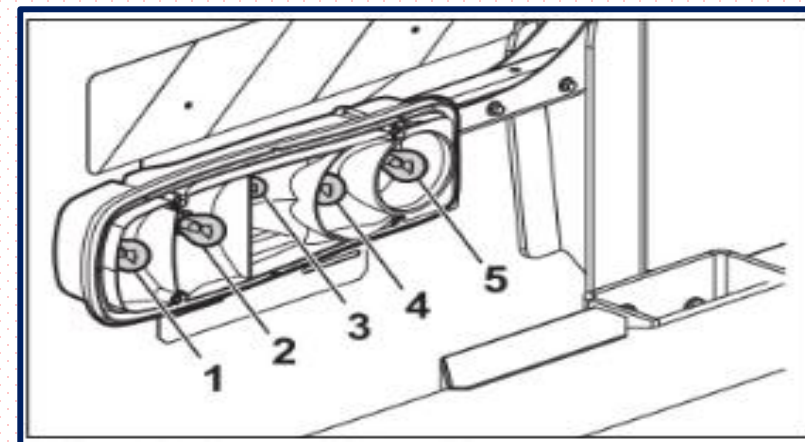
Kiểm tra hoạt động của hệ thống đèn

BẬT từng công tắc đèn và kiểm tra xem đèn tương ứng.



Đèn trước

1. Đèn kích thước phía trước
2. Đèn vị trí / đèn đỗ phía trước
3. Đèn xi nhan phía trước
4. Đèn pha/đèn cos
5. Đèn cản trước
6. Đèn xi nhan hông



Đèn sau

1. Đèn báo rẽ / Đèn nguy hiểm
2. Đèn phanh
3. Đèn vị trí sau
4. Đèn lùi
5. Đèn cản sau

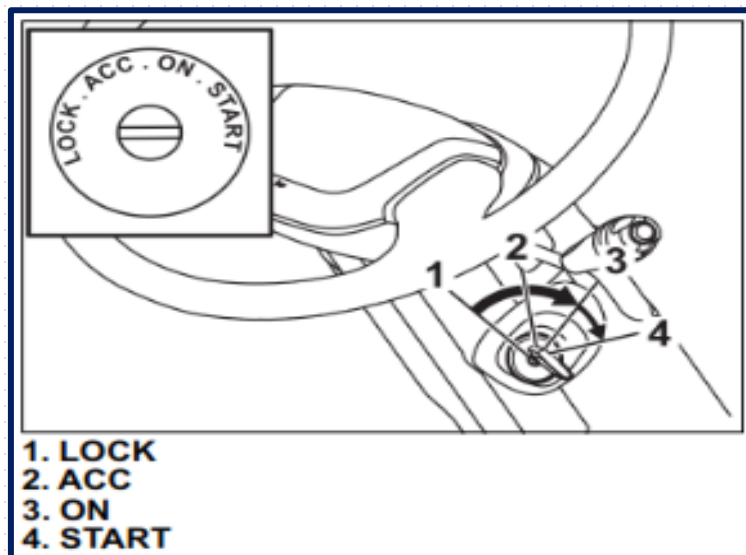
4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Những lưu ý trước khi khởi động động cơ

1. Quan sát xe đảm bảo lốp không bị xẹp, các vết chảy dầu hoặc nước hoặc các biểu hiện khác thường khác để có thể phát hiện các trục trặc.
2. Sau khi lên xe, hãy kiểm tra và đảm bảo phanh tay đã được kéo và phanh.
3. Kiểm tra và đảm bảo ghế ngồi, tựa ghế và tựa đầu ở vị trí thích hợp.
4. Kiểm tra và đảm bảo gương nội thất và gương chiếu hậu bên ngoài phải sạch và đúng vị trí.
5. Khóa tất cả các cửa xe.
6. Cài dây an toàn và đảm bảo các hành khách khác cũng đã cài dây an toàn.
7. Hãy tắt tất cả các đèn và thiết bị khác không cần thiết.
8. Chuyển cần số sang số trung gian (số 0)
9. Đảm bảo rằng công tắc phanh phụ được chuyển đến vị trí OFF (nếu được trang bị).
10. Khi xoay chìa khóa về vị trí "ON", hãy kiểm tra tất cả các đèn báo đã hoạt động và phải đảm bảo đủ nhiên liệu. Khi động cơ hoạt động tất cả các đèn báo đều tắt.

4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Những lưu ý trước khi khởi động động cơ (tt)



CẢNH BÁO

Không di chuyển xe khi đã rút chìa khóa điện hoặc ở vị trí LOCK. Vô lăng có thể khóa và ngăn cản việc đánh lái.

Không vận công tắc điện sang bất kỳ vị trí nào khác ngoài vị trí ON khi đang lái xe. Nếu chuyển sang vị trí ACC, động cơ sẽ dừng lại, và nếu chuyển sang vị trí KHÓA, vô lăng có thể khóa và ngăn cản việc đánh lái.

LOCK: Đây là vị trí tắt nguồn động cơ. Nó cũng là vị trí mà chìa khóa có thể được đưa vào và lấy ra và có thể khóa vô lăng. Vô lăng sau khi rút chìa khóa sẽ tự động khóa vào vị trí cố định để chống trộm.

ACC (Phụ kiện): Đây là vị trí dùng để dừng động cơ. Đây cũng là vị trí được sử dụng để BẬT các phụ kiện như radio, khi đỗ xe, khi dừng động cơ.

ON: Đây là vị trí được sử dụng khi động cơ đang hoạt động. Tuyệt đối không vận chìa khóa sang bất kỳ vị trí nào khác khi lái xe. Ngoài ra, nếu nhiệt độ không khí thấp khi khởi động động cơ, chế độ ON cung cấp điện cho bộ gia nhiệt khí nạp (nếu trang bị) và bộ gia nhiệt bộ sấy khí nén.

START: Đây là vị trí dùng để khởi động động cơ. Chìa khóa sẽ tự động trở lại vị trí ON khi được nhả ra. Không vận chìa khóa về vị trí START sau khi động cơ đã khởi động.

4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Những lưu ý khi lái xe

- Kiểm tra và đảm bảo các chỉ báo, đèn báo hoạt động tốt.
- Nhả hết phanh tay và đảm bảo đèn báo phanh tay đã tắt.
- Khi di chuyển trong điều kiện có tải, chuyển sang số 1 và khởi động từ từ. Sử dụng nửa vòir chân côn sẽ làm giảm tuổi thọ của ly hợp.
- Nếu có tiếng động, rung, mùi lạ, ga không ổn định hoặc có cảm giác trục trặc chi tiết nào đó, hãy dừng xe và kiểm tra lại tất cả các bộ phận ngay.
- Nếu không tìm ra nguyên nhân hoặc không thể sửa chữa được hãy đưa xe đến trạm dịch vụ ủy quyền UD Trucks gần nhất.
- Nếu vô lăng nặng hoặc lực phanh không bình thường trong khi vận hành, hãy dừng xe và kiểm tra ngay.
- Nếu đèn báo hiển thị hoặc còi báo kêu, dừng xe ngay. Những đèn báo màu đỏ phải tắt trong khi vận hành xe. Nếu có bất kỳ đèn báo màu đỏ nào sáng thì nó báo có trục trặc ở hệ thống nào đó. Khi đó dừng xe và kiểm tra ngay.
- Đèn báo màu cam và màu xanh hiển thị khi công tắc tương ứng đang bật mở. Chúng không cảnh báo trục trặc.

KHI XE LÊN DỐC

- Trước khi lên dốc, giảm số để tránh động cơ bị quá tải.
- Khi lên dốc, duy trì tốc độ của động cơ gần với tốc độ mô men xoắn tối đa của động cơ.

KHI XE XUỐNG DỐC

- Sử dụng phanh động cơ và phanh khí xả (nếu có trang bị).
- Tắt hệ thống khóa vi sai liên động.
- Không sử dụng quá nhiều phanh chân.
- Đặc biệt lưu ý không tăng ga quá cao, đảm bảo động cơ không chạy quá nhanh.

4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Những lưu ý trong quá trình phanh

Phanh đúng kỹ thuật

- Trước khi lái xe hãy kiểm tra và đảm bảo phanh tay đã nhả và đèn báo đã tắt.
- Lái xe qua vùng nước sâu có thể làm phanh bị ướt. Phanh cũng có thể bị ướt sau khi rửa xe. Phanh ướt có thể gây nguy hiểm, xe không thể phanh được ngay do phanh bị ướt. Nếu nghi ngờ phanh bị ướt hãy cẩn thận đạp nhẹ phanh để làm khô phanh cho tới khi tác dụng của phanh trở lại bình thường. Lưu ý luôn kiểm soát xe trong quá trình làm khô phanh. Nếu phanh không bình thường cố gắng dừng xe càng sớm càng tốt và gọi trạm dịch vụ gần nhất để hỗ trợ.
- Không được nhả số khi xuống dốc, nó có thể sẽ rất nguy hiểm. Luôn vào số trong mọi điều kiện xe chạy, sử dụng phanh để giảm tốc độ sau đó chuyển về số thấp hơn, phanh động cơ sẽ giúp bạn kiểm soát tốt hơn.

4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Những lưu ý trong quá trình phanh (tt)

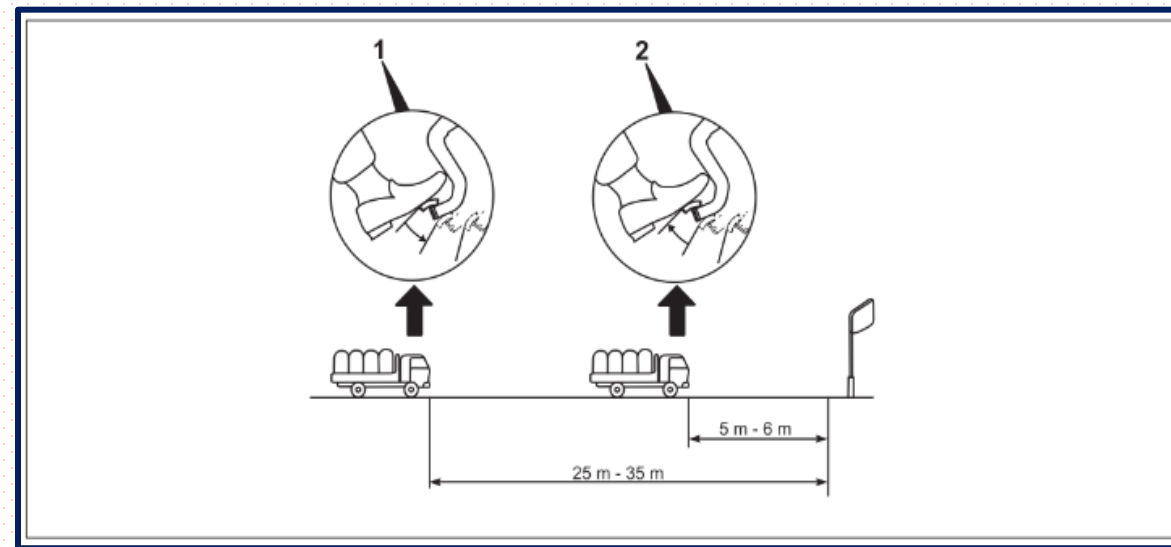
Phương pháp vận hành bàn đạp phanh (phanh bình thường)

Làm theo hướng dẫn dưới đây để dừng xe trong quá trình lái được trơn tru.

Nhấn bàn đạp phanh khoảng 1/3 đến 1/2 hành trình cách 25 đến 35 mét trước địa điểm dừng dự kiến.

Đến khoảng 5 đến 6 mét trước điểm dừng dự kiến, Nhả bàn đạp phanh từ từ trở lại (khoảng 1/3 đến 1/2 hành trình đã được nhấn).

Nhấn bàn đạp phanh ngay trước điểm dừng dự kiến để dừng xe.



1. Nhấn 1/2 đến 1/3 tổng hành trình

2. Nhả 1/2 đến 1/3 hành trình bàn đạp đã được nhấn

4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Những lưu ý trong quá trình phanh (tt)

Phanh đột ngột

Trong trường hợp khẩn cấp, đạp hết chân phanh. Phanh sẽ tác động lên tất cả các bánh xe và xe được dừng một cách đột ngột. Cần thận do có sự giật mạnh khi dừng xe.

Thận trọng:

- Hậu quả của việc phanh đột ngột là làm cho lốp, trống phanh, má phanh bị mòn nhanh và các chi tiết khác sẽ giảm tuổi thọ.
- Tránh việc phanh đột ngột trừ trường hợp khẩn cấp. Khi bề mặt đường ướt do trời mưa hoặc khi vào đường trơn trượt việc phanh đột ngột sẽ làm xe bị trượt lết gây mất khả năng điều khiển và gây mất an toàn khi phanh.

4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Các lưu ý khác trong vận hành sử dụng xe

- Xe được trang bị hệ thống xử lý khí thải với dung dịch xử lý khí thải là dung dịch Adblue.
- AdBlue không được xếp vào loại nguy hiểm, tuy nhiên nó rất ăn mòn và có thể làm hỏng các giắc điện và hệ thống dây điện. Nếu AdBlue dính vào các giắc điện hoặc hệ thống dây điện, chúng phải được thay thế và không nên làm sạch.
- Tránh để dung dịch Adblue tiếp xúc với da, nếu bị đổ lên người hãy rửa sạch bằng nước ngay lập tức.
- Không lái xe khi mức ure quá thấp. Điều này sẽ dẫn đến xe báo lỗi và công suất động cơ sẽ giảm 40% so với công suất tối đa. Tốt nhất nên châm đầy bình Ure trước mỗi chuyến đi.
- Sau khi TẮT khóa điện, hãy đợi ít nhất **120 giây (2 phút)** trước khi ngắt kết nối cáp ắc quy (cúp mass) hoặc các đầu nối của hệ thống điện khi bảo dưỡng xe. Điều này nhằm hệ thống đủ thời gian làm sạch lượng Urea trong đường ống, tránh tình trạng Ure kết tinh trong đường ống dẫn đến báo lỗi hệ thống khí thải.
- Do dung dịch Ure **kết tinh** tại **-11°C** và **bay hơi** tại **75°C**. Vì vậy, Trong quá trình lưu kho dung dịch Ure (nếu có), nhằm tránh làm giảm phẩm chất đối với các bình dung dịch cần phải bảo quản trong môi trường có nhiệt độ phù hợp (đề nghị: từ **0 độ** đến dưới **30 độ**, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời).

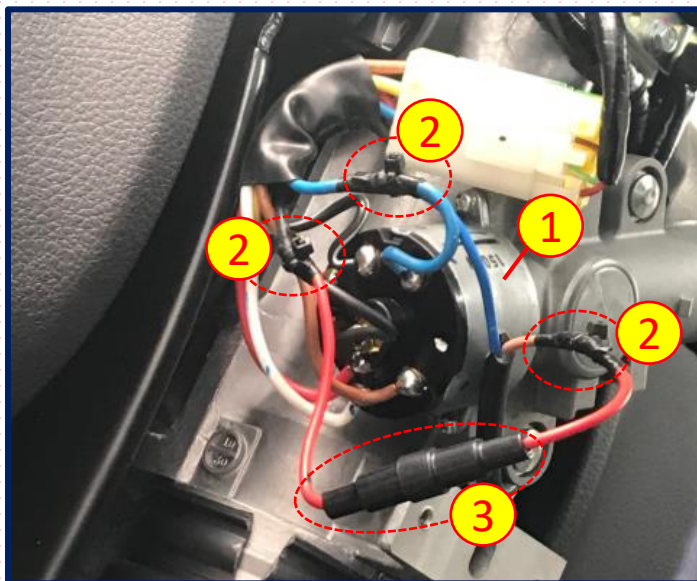
4. Hướng dẫn sử dụng, vận hành cơ bản & những lưu ý khi lái xe (tt)

Các lưu ý khác trong vận hành sử dụng xe (tt)

- Sử dụng dầu Diesel chất lượng và sạch: Luôn sử dụng dầu Diesel đảm bảo chất lượng với hàm lượng lưu huỳnh thấp theo tiêu chuẩn (DO 0,005S-IV đến DO 0,001S-V). Việc sử dụng dầu Diesel không đảm bảo có thể hư hỏng hệ thống nhiên liệu, hệ thống xử lý khí thải và giảm tuổi thọ động cơ. Luôn lựa chọn các đơn vị cung cấp dầu Diesel có uy tín, chất lượng.

Lưu ý khi lắp đặt thiết bị hành trình trên xe:

- Nhằm đảm bảo tính an toàn về điện, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các thiết bị trên xe, việc lắp đặt thiết bị hành trình (thiết bị ngoài) cần phải tuân thủ các yêu cầu sau:
 - ✓ Đầu nối thiết bị theo sơ đồ quy định
 - ✓ Lấy nguồn cung cấp thiết bị theo sơ đồ, tuyệt đối không lấy nguồn từ bất kì vị trí nào khác vị trí chỉ định
 - ✓ Cần lắp đặt cầu chì cho thiết bị để đề phòng trường hợp chập, cháy thiết bị gây ảnh hưởng đến hệ thống điện khác trên xe.
 - ✓ Tại các vị trí mối nối cần được bọc kín và có biện pháp chống tuột mối nối một cách an toàn.



1. Ổ khóa điện
2. Vị trí các mối đấu nối
3. Cầu chì thiết bị

5. Các lưu ý khi lắp đặt thiết bị hành trình và lắp đặt phụ kiện có liên quan đến thao tác hàn điện

Lưu ý khi sử dụng hàn điện để lắp phụ kiện bên ngoài lên xe:

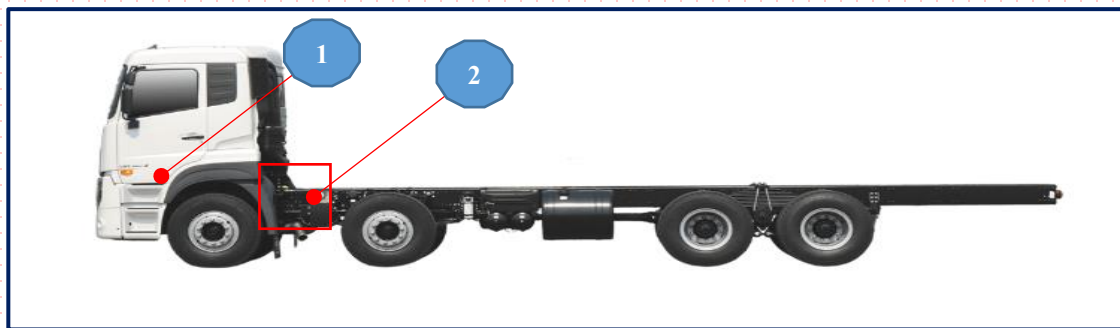
Nhằm đảm bảo tính an toàn tuyệt đối về điện, không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các thiết bị trên xe. Việc lắp đặt các phụ kiện ngoài lên xe mà có sử dụng thiết bị hàn điện **TUYỆT ĐỐI** không được thực hiện nếu chưa thực hiện việc tháo giắc điện tại các vị trí được chỉ định theo hướng dẫn sau:

1. Tháo cọc bình ắc quy (cả dây âm và dây dương của bình). Cần thực hiện đầu tiên trước khi tháo giắc điện.
2. Tháo giắc điện hộp điều khiển điện tử EMS (hay còn gọi là hộp ECU)
3. Tháo giắc điện hộp điều khiển khí thải (hay còn gọi là hộp ACM)
4. Tháo giắc điện cảm biến khí thải NOx.
5. Tháo giắc điện hộp IECU và ABS

(xem slide tiếp theo để biết các vị trí mô tả các bộ phận trên xe)

5. Các lưu ý khi lắp đặt thiết bị hành trình và lắp đặt phụ kiện có liên quan đến thao tác hàn điện

Lưu ý khi sử dụng hàn điện để lắp phụ kiện bên ngoài lên xe:



1. Vị trí hộp EMS (bên mặt trong của chassis)
2. Vị trí Hộp ACM (bên hông bình chứa Adblue)
3. Vị trí cảm biến NOx (trên bầu xử lý khí thải)
4. Vị trí hộp IECU và ABS (*(Xem chi tiết tại hình hướng dẫn)*)



UD TRUCKS

ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG



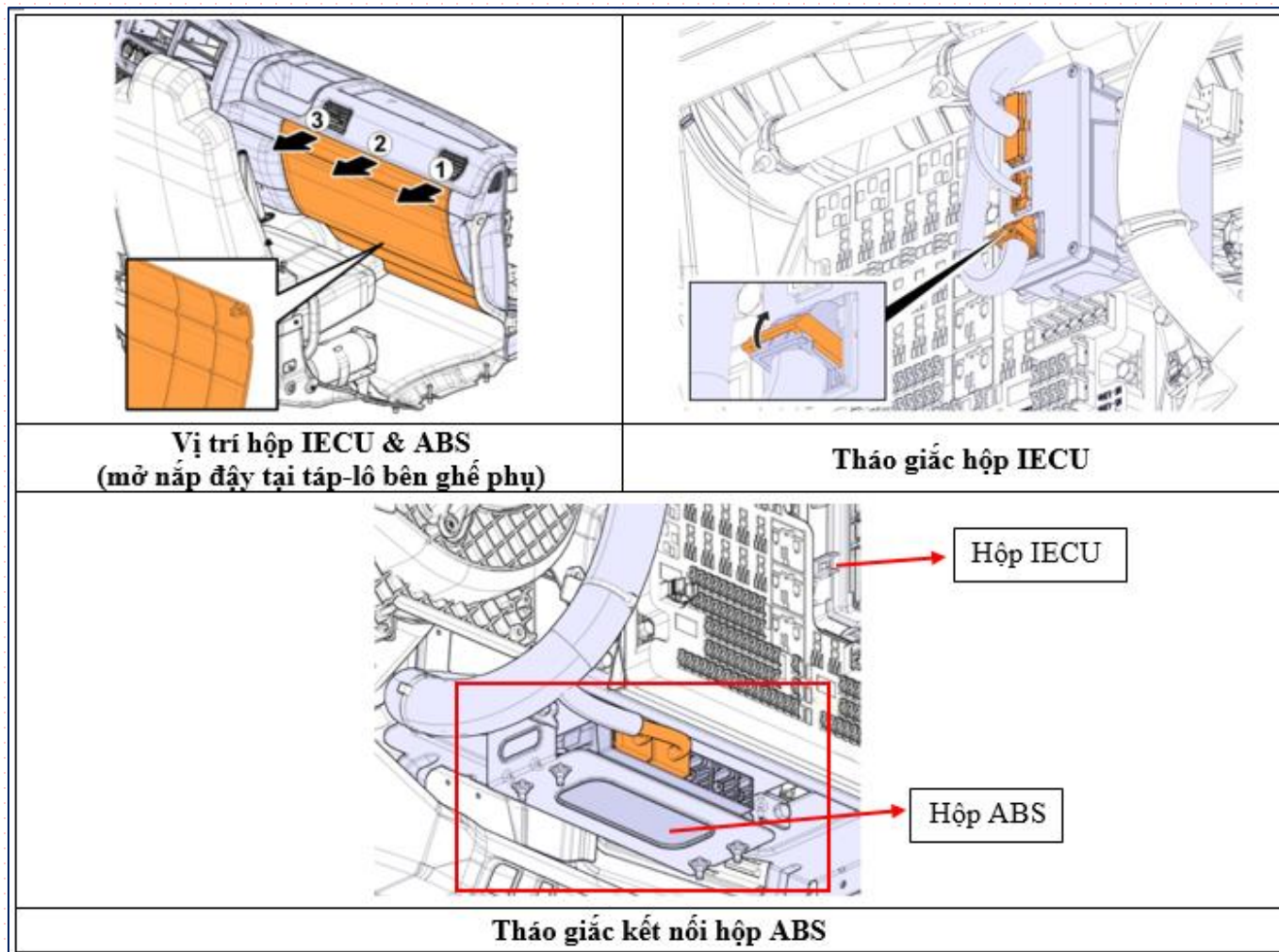
5. Các lưu ý khi lắp đặt thiết bị hành trình và lắp đặt phụ kiện có liên quan đến thao tác hàn điện

Lưu ý khi sử dụng hàn điện để lắp phụ kiện bên ngoài lên xe:

		
Tháo cọc bình	Tháo giắc hộp EMS	Tháo giắc hộp ACM
		
Vị trí cảm biến NOx		Tháo giắc cảm biến NOx

5. Các lưu ý khi lắp đặt thiết bị hành trình và lắp đặt phụ kiện có liên quan đến thao tác hàn điện

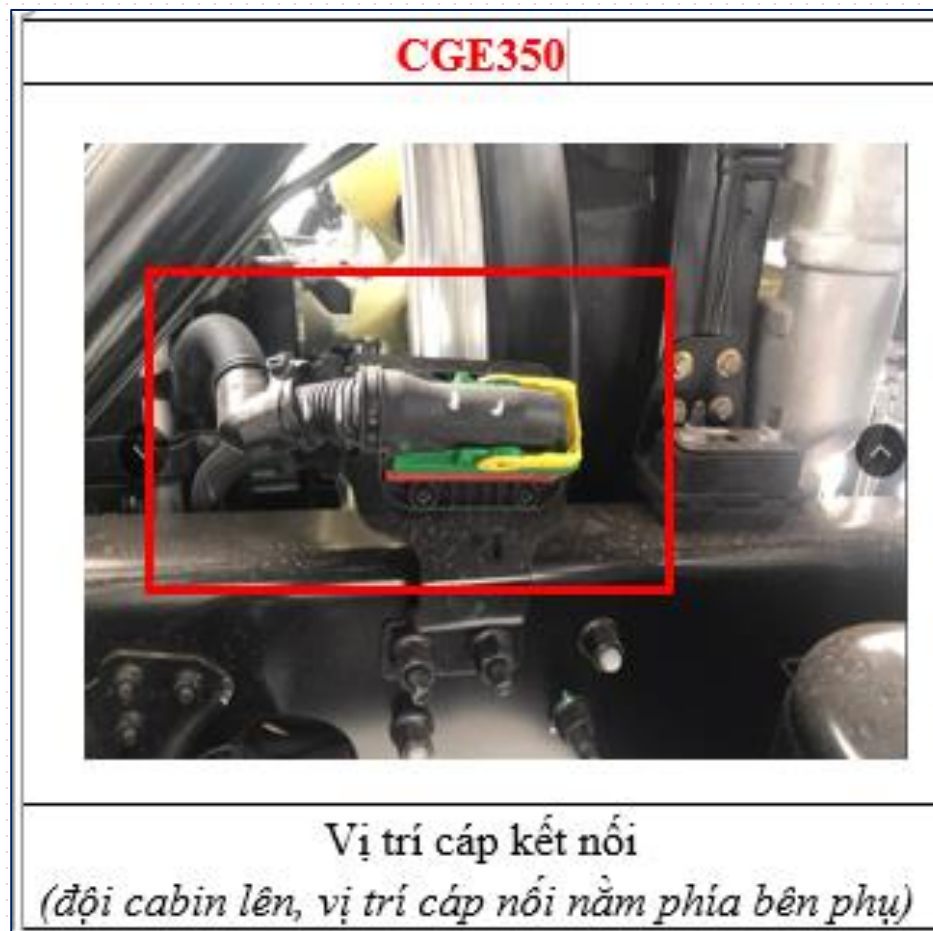
Lưu ý khi sử dụng hàn điện để lắp phụ kiện bên ngoài lên xe:



5. Các lưu ý khi lắp đặt thiết bị hành trình và lắp đặt phụ kiện có liên quan đến thao tác hàn điện

Ngoài các yêu cầu trên, các cảnh báo dưới đây phải được lưu ý, kiểm tra và thực hiện

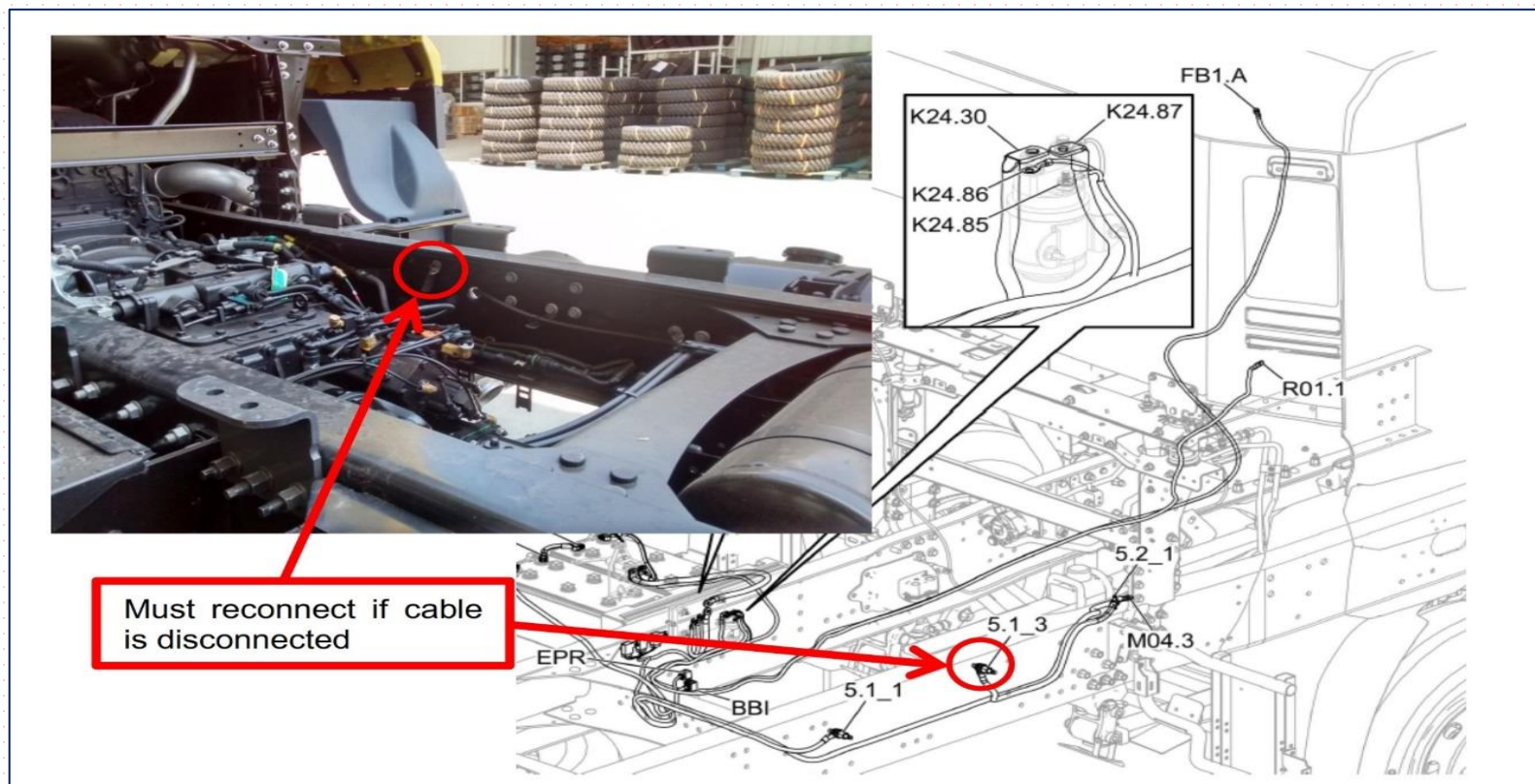
Cảnh báo 1: Cáp kết nối dưới dây phải được ngắt kết nối trước khi thực hiện việc lắp đặt thiết bị ngoài (có sử dụng hàn điện lên trên chassis của xe)



5. Các lưu ý khi lắp đặt thiết bị hành trình và lắp đặt phụ kiện có liên quan đến thao tác hàn điện

Ngoài các yêu cầu trên, các cảnh báo dưới đây phải được lưu ý, kiểm tra và thực hiện

Cảnh báo 2 : Tuyệt đối không bật chìa khóa hoặc khởi động khi cáp nối đất (dây điện âm) của động cơ với chassis đang bị tháo hoặc chưa siết chặt (việc không tuân thủ sẽ dẫn đến các hư hỏng nghiêm trọng)



ĐÀO TẠO SẢN PHẨM & HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

TT	Danh mục	Thời gian bảo dưỡng (khuyến nghị) (km/giờ/tháng)
1	Nhớt	- Lần đầu: 10.000/-/1 - Lần tiếp theo tại: 25.000/1.200/3 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 25.000/1.200/3
2	Lọc nhớt	- Lần đầu: 10.000/-/1 - Lần tiếp theo tại: 25.000/1.200/3 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 25.000/1.200/3
3	Lọc nhiên liệu	- Lần đầu: 10.000/-/1 - Lần tiếp theo tại: 25.000/1.200/3 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 25.000/1.200/3
4	Nhớt hộp số	- Lần đầu: 10.000/-/1 - Lần tiếp theo tại: 100.000/4.800/12 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 100.000/4.800/12
5	Nhớt cầu	- Lần đầu: 10.000/-/1 - Lần tiếp theo tại: 100.000/4.800/12 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 100.000/4.800/12
6	Nhớt trợ lực lái & Lọc	- Lần đầu tại: 100.000/4.800/12 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 100.000/4.800/12
7	Dầu ly hợp	- Lần đầu tại: 100.000/4.800/12 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 100.000/4.800/12

TT	Danh mục	Thời gian bảo dưỡng (khuyến nghị) (km/giờ/tháng)
8	Nước làm mát	- Lần đầu tại: 100.000/4.800/12 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 100.000/4.800/12
9	Lọc gió động cơ	- Lần đầu tại: 100.000/4.800/12 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 100.000/4.800/12
10	Lọc gió điều hoà	- Lần đầu tại: 50.000/-/6 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 50.000/-/6
11	Nhớt cabin lật	- Lần đầu tại: 175.000/-/24 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 175.000/-/24
12	Dây curoa	- Lần đầu tại: 175.000/4.000/24 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 100.000/4.800/24
13	Vệ sinh thắng, thay mỡ bánh, phốt	- Lần đầu tại: 100.000/-/12 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 100.000/-/12
14	Tái siết đai ốc bánh xe	- Lần đầu tại: 25.000/-/3 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 25.000/-/3
15	Tái siết hệ thống treo	* Xe công trường: - Lần đầu: 10.000/-/1 - Lần tiếp theo tại: 25.000/-/3 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 25.000/-/3 * Xe thông thường - Lần đầu: 10.000/-/1 - Lần tiếp theo tại: 75.000/-/9 - Và các lần tiếp theo sau mỗi: 75.000/-/9



UD TRUCKS



Thank You!

Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ hotline DV-KT: 0933 69 77 22